

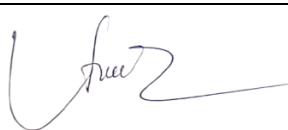
ỦY BAN XÃ THANH NÚA
TRƯỜNG MẦM NON THANH HƯNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THANH NÚA
TRƯỜNG MẦM NON THANH HƯNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Thị Nga	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Hà Thị Hường	Phó Hiệu trưởng 1	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Phạm Thị Hà	Phó hiệu trưởng 2	Thư ký hội đồng	
4	Nguyễn Thị Minh Hải	Giáo viên - Tổ trưởng tổ nhà trẻ	Ủy viên hội đồng	
5	Lê Thị Thu	Giáo viên - Tổ trưởng tổ Mẫu giáo lớn - Ghép	Ủy viên hội đồng	
6	Trần Thị Huế	Giáo viên - Tổ trưởng tổ Mẫu giáo Bé – Nhỡ	Ủy viên hội đồng	
7	Phạm Thị Lệ Quỳnh	Giáo viên - Tổ phó tổ Mẫu giáo lớn - Ghép	Ủy viên hội đồng	
8	Nguyễn Thị Thùy Dương	Giáo viên - Tổ phó tổ MG nhà trẻ	Ủy viên hội đồng	
9	Lò Thị Thuận	Giáo viên - Tổ phó tổ Mẫu giáo Bé – Nhỡ	Ủy viên hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	2
Danh mục chữ viết tắt	3
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	4
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	7
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	12
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	12
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	14
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	14
Mở đầu:	14
Tiêu chí 1.1: Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	15
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các Hội đồng khác	17
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	18
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	21
Tiêu chí 1.5: Tuyển sinh, tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	23
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	25
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	27
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	29
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	31
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự an toàn trường học	33
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	36
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	37
Mở đầu	37
Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng	37
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	39
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	41
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	43
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	44
Mở đầu	44
Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	44
Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	46
Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	50
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	53
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường gia đình và xã hội	53

Mở đầu	53
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ	54
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp uỷ Đảng, chính quyền và phối hợp các tổ chức cá nhân của nhà trường	56
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	59
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ	59
Mở đầu	59
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	60
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ	62
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	64
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	67
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	68
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	66

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Viết tắt	Chú thích
1	CBQL, GV, NV	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên
2	CBQL	Cán bộ Quản lý
3	CNTT	Công nghệ thông tin
4	CSGD	Chăm sóc giáo dục
5	GDMN	Giáo dục mầm non
6	GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
7	GVMN	Giáo viên mầm non
8	HĐ	Hội đồng
9	LĐLĐ	Liên đoàn lao động
10	QĐ-UBND	Quyết định- Ủy ban nhân dân
11	UBND	Ủy ban nhân dân
12	XHH GD	Xã hội hoá giáo dục
13	MN	Mầm non
14	TH	Tiểu học
15	THCS	Trung học cơ sở
16	THPT	Trung học phổ thông

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc không đạt)

1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2, và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x		
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x

Kết quả: Mức 1 đạt (5 tiêu chuẩn và 22 tiêu chí)

Mức 2 đạt (5 tiêu chuẩn và 21 tiêu chí)

Mức 3 đạt (5 tiêu chuẩn và 15 tiêu chí)

3.Kết luận: Trường đạt chuẩn mức độ 3

Phần I**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường mầm non Thanh Hưng.

Tên trước đây: Trường mầm non xã Thanh Hưng.

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân xã Thanh Nưa

Tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương	Điện Biên	Họ và tên hiệu trưởng	Nguyễn Thị Nga
Xã / phường/Đặc khu	Thanh Nưa	Điện thoại	0914885075
Đạt Chuẩn quốc gia	Mức độ 2	Fax	
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	Quyết định số 601/2000/QĐ - UB - TC ngày 25 /9/1996	Website	https://mnnthanhhung.huyendienbien.edu.vn
Công lập	x	Số điểm trường	3
Tư thực		Loại hình khác	
Dân lập		Thuộc vùng khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài	0	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương	Điện Biên	Họ và tên hiệu trưởng	Nguyễn Thị Nga

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2025-2026	Năm học 2025-2026
Nhóm trẻ từ 13-24 tháng tuổi	1	1	1	1	1
Nhóm trẻ từ 25-36 tháng tuổi	4	4	4	4	4
Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi	2	2	2	2	2
Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	2	2	2	2	2
Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi	2	2	2	2	2
Lớp mẫu giáo ghép 3-4 tuổi	0	0	0	0	0
Lớp mẫu giáo ghép 4-5 tuổi	0	0	0	0	0
Lớp mẫu giáo ghép 3- 4-5 tuổi	4	4	4	4	3
Cộng	15	15	15	15	14

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2025- 2026	Năm học 2025- 2026	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	15	15	15	15	14	
1	Phòng kiên cố	12	12	12	12	11	
2	Phòng bán kiên cố	3	3	3	3	3	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng	2	2	2	2	2	

	phục vụ học tập						
1	Phòng kiên cố	2	2	2	2	2	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Khối phòng hành chính quản trị	9	9	9	9	9	
1	Phòng kiên cố	9	9	9	9	9	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
IV	Khối phòng tổ chức ăn	2	2	2	2	2	
V	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	6	6	6	6	6	
	Cộng	34	34	34	34	34	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Ghi chú
Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	2	2	1	0	0	2	
Giáo viên	29	29	10	0	1	28	
Nhân viên	3	2	1	1	1	1	
Cộng	35	34	12	1	2	32	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2025- 2026	Năm học 2025- 2026
1	Tổng số giáo viên	29	29	29	29	29
2	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với nhóm trẻ)	13,2	12,8	12,3	10	8,18
3	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	0	0	0	0	0
4	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ bán trú)	15,3	15,31	13,8	13,8	24,9
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên	6	7	7	10	10
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên	4	3	3	3	3
	Các số liệu khác	0	0	0	0	0

2. Trẻ em

TT	Số liệu	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2025- 2026	Năm học 2025- 2026	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	423	419	387	352	314	
	-Nữ	206	196	177	164	146	
	-Dân tộc thiểu số	211	187	180	159	168	
2	Đối tượng	18	10	18	21	32	

	chính sách						
3	Khuyết tật	0	0	2	3	2	
4	Tuyển mới	80	114	52	82	82	
5	Học 2 buổi/ngày	423	419	386	352	314	
6	Bán trú	423	419	386	352	314	
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp	28,2	29,1	27,6	26,2	22,4	
8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm	22,6	25,6	22,2	18	18	
9	Trẻ em từ 13-24 tháng tuổi	18	20	21	17	15	
	Trẻ em từ 25-36 tháng tuổi	114	108	90	73	75	
	Trẻ em từ 3-4 tuổi	86	98	97	75	61	
	Trẻ em từ 4-5 tuổi	105	87	96	86	76	
	Trẻ em từ 5-6 tuổi	100	106	83	101	87	
	Các số liệu khác	0	0	0	0	0	

5. Các số liệu khác (nếu có)

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Mầm non xã Thanh Hưng thành lập theo Quyết định số 601/2000/QĐ- UB- TC ngày 25 tháng 9 năm 1996. Nằm trên địa bàn thôn Việt Thanh, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Vị trí trung tâm trường và các điểm trường đặt ở khu dân cư phù hợp với quy hoạch phát triển giáo dục của địa phương, có đường giao thông thuận lợi cho việc đưa đón trẻ tới trường. Trường có tổng diện tích là 5.265m², trong đó diện tích phòng học là 485,1m², diện tích sân chơi là 2465m². Cơ sở vật chất của nhà trường đã được đầu tư xây dựng đồng bộ, có đủ phòng học và các phòng chức năng, các công trình của trường được xây dựng kiên cố, có tường rào bao quanh, có sân chơi lát xi măng sạch sẽ, có đồ chơi ngoài trời. Lớp học có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị phục vụ cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Môi trường học tập an toàn - sạch - đẹp, các phòng học cho từng độ tuổi đảm bảo đủ diện tích, đủ các phòng chức năng theo quy định như: Phòng nghệ thuật, khu vui chơi vận động với đầy đủ các trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi cho trẻ hoạt động.

Năm học 2025 - 2026 nhà trường luôn nhận được sự chỉ đạo sát sao trực tiếp của của chính quyền địa phương cùng với sự nỗ lực cố gắng không ngừng của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

Trường có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ theo Điều lệ trường mầm non, có tư cách đạo đức tốt, phẩm chất chính trị vững vàng, nhiệt tình, năng động, sáng tạo, tâm huyết với nghề nghiệp, có tinh thần tự lực, tự cường khắc phục khó khăn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Giáo viên tích cực đổi mới phương pháp dạy học nhằm đáp ứng với yêu cầu đổi mới và nhiệm vụ GDMN trong giai đoạn hiện nay. 100% giáo viên có trình độ đào tạo chuẩn và trên chuẩn. Qua các đợt kiểm tra của các ban ngành, các cấp giáo viên đều được đánh giá, xếp loại chuyên môn nghiệp vụ đạt khá trở lên. Trong đó, giáo viên dạy giỏi các cấp là 27/29 đạt 93,1%. Chất lượng đội ngũ giáo viên, chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ được nâng lên và khẳng định qua kết quả đánh giá chất lượng của từng năm học, đáp ứng đủ điều kiện trường mầm non đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2. Nhà trường làm tốt công tác tham mưu với lãnh đạo ngành, lãnh đạo địa phương, phối hợp với các cơ quan, đoàn thể đóng trên địa bàn, phụ huynh học sinh tập trung mọi nguồn lực tôn tạo cảnh quan môi trường, duy trì nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và tổ chức tốt các hoạt động của nhà trường.

Trường Mầm non Thanh Hưng đã có bước phát triển vững chắc, khẳng định được chất lượng chăm sóc, giáo dục của nhà trường: Các mặt hoạt động của nhà trường đều ổn định, phát triển bền vững, uy tín và vị thế của nhà trường đối với ngành học, với chính quyền địa phương và cha mẹ trẻ ngày một nâng lên.

2. Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá là khâu đầu tiên trong quy trình kiểm định chất lượng giáo dục, đó là quá trình nhà trường tự kiểm tra, đánh giá trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá do Bộ GD&ĐT ban hành. Việc tự đánh giá nhằm giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, thông qua báo cáo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường. Thông qua việc tự đánh giá, nhận thức của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên về công tác chăm sóc giáo dục trẻ, được thay đổi theo chiều hướng tích cực. Công tác quản lý nhà trường ngày một chặt chẽ và nề nếp hơn. Công tác tự đánh giá thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục. Mỗi cá nhân nhận thức rõ hơn vai trò và trách nhiệm của mình trước nhiệm vụ được giao. Kết quả tự đánh giá giúp cho tập thể xác định được những điểm mạnh, điểm yếu. Từ đó có kế hoạch cải tiến, khắc phục nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường trong thời gian tới và những năm tiếp theo.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Thực hiện Thông tư 13/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, Thông tư 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 của Bộ GD&ĐT ban hành sửa đổi, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT, ngày 16/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường xây dựng và triển khai cụ thể kế hoạch tự đánh giá tới toàn thể CBQL, GV, NV của nhà trường. Nhà trường đã triển khai cụ thể kế hoạch tự đánh giá tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường. Thành lập Hội đồng tự đánh giá bao gồm: Cán bộ chủ chốt, người đứng đầu, đại diện các đoàn thể, giáo viên. Thư ký hội đồng là những giáo viên có kinh nghiệm. Hội đồng tự đánh giá của trường tiến hành theo đúng quy trình tự đánh giá, có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổng thể và chi tiết, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, tổ chức hướng dẫn kỹ năng viết phiếu đánh giá tiêu chí, xác định nội hàm gợi ý tìm minh chứng cho từng nhóm. Hội đồng tự đánh giá được chia thành 05 nhóm, mỗi nhóm được phân công thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng, nghiên cứu đánh giá 01 tiêu chuẩn.

Tự đánh giá là quá trình liên tục thực hiện theo kế hoạch, được dành nhiều công sức, thời gian, có sự tham gia của tập thể và cá nhân trong nhà trường. Tự đánh giá đòi hỏi tính khách quan, trung thực và công khai. Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình tự đánh giá được dựa trên các thông tin, minh chứng cụ thể, rõ ràng. Báo cáo tự đánh giá bao quát đầy đủ các tiêu chí trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của nhà trường.

Hoạt động tự đánh giá của nhà trường được thực hiện theo đúng quy trình Bộ GD&ĐT hướng dẫn gồm 7 bước sau:

Bước 1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.

Bước 2. Lập kế hoạch tự đánh giá.

Bước 3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

Bước 4. Đánh giá các mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

Bước 5. Viết báo cáo tự đánh giá.

Bước 6. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Bước 7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Tất cả các bước trên đều được thực hiện đúng hướng dẫn, dân chủ, công khai khoa học.

Đề báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan. Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau, trong đó chủ yếu bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung của 5 tiêu chuẩn để sưu tầm thông tin, minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích dữ liệu có liên quan, trong quá trình đánh giá nhà trường căn cứ vào các văn bản quy định kiểm định chất lượng GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành để làm cơ sở cho việc tiến hành tự đánh giá. Ngoài ra, nhà trường còn sử dụng các phương tiện hỗ trợ khác như máy vi tính, máy in, máy ảnh, mạng Internet để khai thác thông tin, minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá. Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục theo Thông tư 13/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Mầm non Thanh Hưng có cơ cấu, tổ chức bộ máy theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non, có các tổ chức Đảng, đoàn thể phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao; có các tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện tốt mọi nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được chia theo độ tuổi, học 2 buổi/ngày. Nhà trường thực hiện quản lý và sử dụng tài chính, tài sản, lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo quy định. Hằng năm xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên. Chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, chuyên đề góp phần nâng cao hiệu quả chất lượng chăm sóc giáo dục. Giáo viên các nhóm, lớp căn cứ vào kế hoạch của nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục theo hướng dẫn thực hiện chương trình GDMN của Bộ GD&ĐT phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương. Định kỳ tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung kịp thời. Phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đúng theo năng lực sở trường của mỗi cá nhân, đảm bảo các quyền lợi khác theo quy định. Thực hiện quản lý hành chính và thường xuyên tổ chức, thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua do ngành và địa phương phát động. Hằng năm nhà trường xây dựng kế hoạch đề ra chiến lược xây dựng và phát triển về công tác tổ chức và quản lý các hoạt động trong nhà trường phù hợp với định

hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ trong cơ quan đơn vị, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Đảm bảo tốt an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ, không có hiện tượng, kỳ thị, hành vi bạo lực hay vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

1. Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường
Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu GDMN được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng GD&ĐT.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong HĐ trường (HĐ quản trị đối với trường tư thục), CBQL, GV, NV, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và kế hoạch chỉ đạo năm học, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu GDMN được quy định tại Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và phù hợp với các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của các cấp và chỉ tiêu kế hoạch được giao, nhà trường đã xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và được phòng GD&ĐT huyện Điện Biên phê duyệt để triển khai, thực hiện hiệu quả [H1-1.1-01].

Nhà trường làm tốt công tác công khai kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường theo giai đoạn và theo từng năm học tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong hội nghị viên chức đầu năm học và được niêm yết trên bảng tin công khai để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và nhân dân cùng biết [1.1-03].

Mức 2

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường như: Giao cho Hội đồng trường, chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng chiến lược phát triển hoạt động của nhà trường [H1-1.1-04]; giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết nghị của hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường [H1-1.1- 05], kiểm tra nội bộ đánh giá chất lượng đội ngũ, chất lượng học sinh, chất lượng các hội thi; giám sát công tác xây dựng và sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học phù hợp với mục tiêu giáo dục [H1-1.1.06].

Mức 3

Nhà trường định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường CBQL, GV, NV thông qua Hội nghị công nhân viên chức đầu năm, cha mẹ trẻ và cộng đồng thông qua các buổi họp phụ huynh học [H1-1.1-04]; [H1-1.1-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có phương hướng, chiến lược, kế hoạch xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế của địa phương và nguồn lực của nhà trường, được phòng GD&ĐT phê duyệt và niêm yết công khai, đăng tải trên Website, bảng tin của nhà trường. Hằng năm thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh các mục tiêu, phương hướng phát triển của nhà trường để phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương và thống nhất xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường đã đưa ra các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo giai đoạn, theo năm học hiệu quả.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Thực hiện công khai phương hướng, chiến lược xây dựng, phát triển của nhà trường bằng hình thức đăng tải trên cổng thông tin điện tử của nhà trường và phương tiện thông tin đại chúng của thôn/bản để đạt hiệu quả cao hơn	CBQL; Trưởng các thôn/bản	Bảng thông báo; Trang thông tin điện tử của trường.	Trong năm học 2025 - 2026 và các năm tiếp theo.	Không

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nâng cao chất lượng thực hiện các hoạt động giám sát định kỳ, thường xuyên thực hiện các chỉ tiêu phát triển nhà trường theo từng năm học.	Hội đồng trường,	Kế hoạch phát triển nhà trường	Trong năm học 2025 - 2026 và các năm tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các Hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

Mức 1:

Hội đồng trường được thành lập theo điểm b Khoản 1 Điều 9 thông tư 52/2020/TT-BG&ĐT, ngày 31/12/2020 Thông tư ban hành Điều lệ trường mầm non, Hội đồng trường gồm 11 thành viên theo QĐ số 2854/QĐ-UBND, ngày 22/11/2021 của UBND huyện Điện Biên về việc công nhận Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021- 2026 [H1-1.1-04]; các hội đồng khác do Hiệu trưởng thành lập theo quy định gồm: hội đồng thi đua khen thưởng [H1-1.2-01]; hội đồng chăm sóc giáo dục trẻ [H1-1.2-02]; hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi cấp trường [H1-1.2-03]; hội đồng thẩm định Chương trình giáo dục nhà trường [H1-1.2-04].

Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Thông tư 52/2020/TT-BGD&ĐT, ngày 31/12/2020 Thông tư Ban hành Điều lệ trường mầm non. Hội đồng trường thực hiện Quyết nghị về mục tiêu chiến lược các phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường. Quyết nghị về tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản của nhà trường, giới thiệu người đề bổ nhiệm làm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền [H1-1.1-04]; hội đồng thi đua khen thưởng giúp hiệu trưởng tổ chức phong trào thi đua [H1-1.2-01]; hội đồng chăm sóc giáo dục trẻ giúp hiệu trưởng đánh giá sáng kiến của giáo viên [H1-1.2-02]; hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi giúp hiệu trưởng đánh giá chất lượng chuyên môn của giáo viên [H1-1.2-03]; hội đồng thẩm định chương trình giáo dục nhà trường xem xét, đánh giá và đưa ra kết luận việc thực hiện nội dung chương trình giáo dục nhà trường của từng độ tuổi [H1-1.2-04].

Hội đồng trường và các hội đồng khác định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh bổ sung nội dung các hoạt động cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương [H1-1.1-04]; [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04].

Mức 2:

Các hội đồng duy trì hoạt động tích cực có hiệu quả theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập theo quy định; các hội đồng hoạt động có hiệu quả thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, được định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh bổ sung nội dung hoạt động cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Hội đồng trường và các hội đồng khác tiếp tục phát huy hơn nữa hiệu quả việc đánh giá, đề xuất ý kiến góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng CSGD trẻ của nhà trường.	Hội đồng trường và các hội đồng khác	Phân công nhiệm vụ, các quyết định thành lập.	Năm học 2025 -2026 và các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 chi đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh gồm 8 thành viên, có 1 bí thư là đồng chí Hồ Thị Hằng [H1-1.3-02].

Hàng năm đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và các đoàn thể, tổ chức khác hoạt động theo quy định của pháp luật giúp nhà trường thực hiện tốt mục tiêu, kế hoạch giáo dục đề ra [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02].

Trong những năm qua các hoạt động của tổ chức, đoàn thể nhà trường thường xuyên được rà soát, kiểm tra, đánh giá nhằm nâng cao chất lượng hoạt động một cách hiệu quả [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02].

Mức 2:

Nhà trường có 01 chi bộ Đảng độc lập gồm 1 đồng chí là Nguyễn Thị Nga bí thư, đồng chí Hà Thị Hương phó bí thư, và 25 đảng viên, hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. Năm 2024, chi bộ nhà trường được Đảng ủy xã Thanh Hưng đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-03].

Hàng năm các đoàn thể, tổ chức khác tích cực phối kết hợp với nhà trường thực hiện đảm bảo chỉ tiêu, kế hoạch đề ra góp phần nâng cao chất lượng hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, chất lượng giáo viên, chất lượng các hội thi, các hoạt động phong trào của nhà trường [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

Mức 3:

Tính đến thời điểm đánh giá tổ chức cơ sở Đảng Cộng sản Việt Nam trong nhà trường luôn triển khai và thực hiện tốt các quy định của Hiến pháp, Pháp luật, thực hiện đúng Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong 5 năm được Đảng ủy xã Thanh Hưng đánh giá chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-03].

Các tổ chức đoàn thể và các tổ chức khác của nhà trường hàng năm đều có những đóng góp tích cực vào các hoạt động của nhà trường và cộng đồng như: Tham gia đóng góp đầy đủ các loại quỹ: Quỹ vì người nghèo, quỹ phòng chống thiên tai, mỗi năm tham gia hiến máu nhân đạo có từ 04 đến 05 đồng chí, các hoạt

động đó đã đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

2. Điểm mạnh

Trường có chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác như: Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đều có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định, hằng năm được rà soát đánh giá làm tốt công tác tham mưu, tích cực phối kết hợp với nhà trường tổ chức tốt các hoạt động của trường và cộng đồng, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục. Trong 5 năm liên tiếp Chi bộ nhà trường được đánh giá chi bộ trong sạch, vững mạnh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Đảng ủy xã Thanh Hưng tặng giấy khen.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục duy trì tốt cơ cấu tổ chức các đoàn thể và các tổ chức khác theo quy định.	Chi bộ trường MN Thanh Hưng, Công đoàn cơ sở, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Các quyết định thành lập.	Trong năm học 2025 - 2026, trong nhiệm kỳ.	Không
Tăng cường sự lãnh đạo của chi bộ Đảng; xây dựng quy chế hoạt động của các tổ chức, đoàn thể đảm bảo theo quy định, các đoàn thể và các tổ chức khác phối hợp thực hiện tốt các hoạt động của nhà trường. Tích cực học tập trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị bạn, đưa ra các giải pháp đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng về mọi mặt của nhà trường.	Chi bộ trường MN Thanh Hưng, các tổ chức đoàn thể.	Phân công nhiệm vụ, quy chế hoạt động.	Trong các năm học, nhiệm kỳ	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có Hiệu trưởng, số lượng Phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có 01 hiệu trưởng: Nguyễn Thị Nga [H1-1.4- 01]; 02 phó hiệu trưởng: Phạm Thị Hà, Hà Thị Hương [H1-1.4-02], đủ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở GDMN công lập.

Nhà trường có 03 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng; trong đó tổ nhà trẻ có 11 thành viên, tổ mẫu giáo bé- nhỡ có 8 thành viên, tổ mẫu giáo lớn- ghép có 10 thành viên, tổ văn phòng có 04 thành viên [H1-1.4-03]. Các tổ chuyên môn đều có tổ trưởng và tổ phó; tổ văn phòng gồm 01 tổ trưởng và có 05 thành viên [H1-1.4-04]. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng hoạt động theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H1-1.4-05].

Hằng năm tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm học, tháng. Tổ chuyên môn thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ như: thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường; tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp GVMN; tham gia đánh giá, xếp loại nhân viên theo quy định. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ 2 lần/tháng theo quy định. Tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo tháng, năm nhằm phục vụ việc thực hiện các hoạt động của nhà trường về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; giúp hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản,

lưu giữ hồ sơ của nhà trường, thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường; tham gia đánh giá, xếp loại các thành viên; tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ ít nhất một tháng một lần theo nguyên tắc dân chủ, tôn trọng, chia sẻ, học tập, giúp đỡ lẫn nhau để phát triển năng lực chuyên môn [H1-1.4-04]; [H1-1.4-06].

Mức 2:

Hàng năm các tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của ngành, của trường, căn cứ vào tình hình thực tế của tổ để đề xuất về phương pháp, hình thức tổ chức lớp học và các chuyên đề như: chuyên đề giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, giáo dục phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, lồng ghép giáo dục học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tăng cường tiếng việt cho trẻ dân tộc thiểu số, sử dụng bộ công cụ ELM vào tổ chức các hoạt động giáo dục, chuyên đề tôi yêu Việt Nam... Các chuyên đề được tổ chức có tác dụng thiết thực nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục trong nhà trường [H1-1.4-07]; [H1-1.4-08].

Hàng năm các tổ chuyên môn, tổ văn phòng tổ chức hoạt động theo đúng kế hoạch, định kỳ rà soát, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế của tổ và của nhà trường [H1-1.4-07]; [H1-1.4-09].

Mức 3:

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường như: tổ chức các chuyên đề, xây dựng khẩu phần, thực đơn đảm bảo dinh dưỡng cho trẻ, phối hợp tổ chức tốt các hội thi, các hoạt động tham quan, lễ hội; thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ 2 lần/tháng theo quy định, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học của tổ, tham gia đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV, đánh giá nhân viên theo quy định; góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của nhà trường [H1-1.2-07]; [H1-1.4-07].

Hàng năm các tổ chuyên môn thực hiện đầy đủ các chuyên đề, chuyên môn theo kế hoạch, có sự tham gia đóng góp của CBQL, GV, NV góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ như chuyên đề “tăng cường tiếng Việt”, “giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”, “tôi yêu Việt Nam”, “phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu”... [H1-1.4-07]; [H1-1.4-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 01 hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng đủ số lượng theo Thông tư liên tịch 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở GDMN công lập. Trường có 03 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo năm học, tháng, tuần, định kỳ sinh hoạt chuyên môn 2 lần/tháng theo quy định của Điều lệ trường mầm non, tổ chức các hoạt động có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm

sóc và giáo dục trẻ. Định kỳ thực hiện rà soát, đánh giá, điều chỉnh bổ sung các hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tổ chức có hiệu quả sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề tổ theo nghiên cứu bài học. Đổi mới nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn: Dành thời gian để trao đổi thảo luận về đổi mới phương pháp giảng dạy lấy trẻ làm trung tâm, ứng dụng CNTT trong các hoạt động...	Phó hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn, GV.	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.	Năm học 2025-2026	Không
Các tổ chuyên môn chủ động tích cực hơn trong việc đề xuất nội dung sinh hoạt chuyên đề để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trong nhà trường.	CBQL, tổ trưởng, các thành viên tổ chuyên môn, văn phòng.	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.	Năm học 2025-2026	Không
Kiểm tra đột xuất và định kỳ về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của giáo viên.	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.	Kế hoạch kiểm tra nội bộ.	Năm học 2025-2026	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.5: Tuyển sinh, tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Thực hiện tuyển sinh theo yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi theo quy định;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép; số lượng trẻ khuyết tật học hòa nhập trên mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đảm bảo theo quy định;

c) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Hàng năm nhà trường tổ chức tuyển sinh theo yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi đúng theo quy định, đảm bảo số lớp, số học sinh ra lớp Theo Điều 5 trong Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ Nghị định Quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập [H1-1.5-01].

Trong các năm học qua nhà trường có các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, được phân chia theo độ tuổi theo quy định của Điều lệ Trường Mầm non. Năm học 2025-2026, nhà trường có 14 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi theo quy định tại Điều lệ trường mầm non trong đó: Có 01 nhóm trẻ 19-24 tháng với: 15 trẻ và 4 nhóm trẻ 24 - 36 tháng với 75 trẻ, 2 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi với 39 trẻ, 2 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi với 51 trẻ, 2 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi với 68 trẻ, có 66 trẻ 3-5 tuổi học tại 3 lớp mẫu giáo ghép ở 3 điểm trường [H1-1.5-02]. Năm học 2025-2026 có 02 trẻ khuyết tật: 01 trẻ học hòa nhập tại lớp mẫu giáo 3-4 tuổi A với 20 và 01 khuyết tật học hòa nhập tại lớp mẫu giáo 5-6 tuổi A với 34 trẻ số trẻ đảm bảo theo quy định [H1-1.5-03].

100% các nhóm, lớp được tổ chức ăn bán trú học 2 buổi/ngày đảm bảo theo quy định [H1-1.2-07]; [H1-1.5-01].

Mức 2

Hàng năm số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo của nhà trường đều được phân chia theo độ tuổi. Năm học 2025-2026 nhà trường có 14 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi theo quy định tại Điều lệ trường mầm non trong đó: Có 01 nhóm trẻ 19-24 tháng với: 15 trẻ và 4 nhóm trẻ 24 - 36 tháng với 75 trẻ, 2 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi với 39 trẻ, 2 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi với 51 trẻ, 2 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi với 68 trẻ, có 66 trẻ 3-5 tuổi học tại 3 lớp mẫu giáo ghép ở 3 điểm trường [H1-1.5-02]. Năm học 2025-2026 có 02 trẻ khuyết tật: 01 trẻ học hòa nhập tại lớp mẫu giáo 3-4 tuổi A với 20 và 01 khuyết tật học hòa nhập tại lớp mẫu giáo 5-6 tuổi A với 34 trẻ số trẻ đảm bảo theo quy định [H1-1.5-03].

2. Điểm mạnh

Trong các năm học nhà trường luôn thực hiện tốt công tác điều tra phổ cập và công tác tuyển sinh theo yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi theo đúng quy định. Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp hàng năm đối với MG đạt 100%; Riêng nhà trẻ tỷ lệ huy động đạt trên 50%.

100% các lớp được học 2 buổi/ngày và ăn bán trú tại trường, không năm nào vượt quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo. Số lượng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Trong năm học nhà trường có 02 trẻ khuyết tật. Mỗi nhóm, lớp không quá 02 trẻ cùng dạng khuyết tật. Các trẻ khuyết tật đã được học hòa nhập và được đánh giá sự tiến bộ theo chương trình giáo dục trẻ khuyết tật hòa nhập của các độ tuổi mầm non.

3. Điểm yếu: Nhà trường có 03 lớp mẫu giáo ghép chưa phân chia được theo độ tuổi do khoảng cách ở các điểm trường xa, số lượng trẻ ít, không đủ 50% số trẻ theo số lượng tối đa theo Điều lệ trường mầm non để bố trí thành lớp đơn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục tăng cường các biện pháp huy động tối đa số trẻ trong độ tuổi ra lớp, đặc biệt là trẻ từ 0 đến dưới 36 tháng tuổi và trẻ 3-5 tuổi, duy trì và tổ chức tốt các nhóm, lớp đảm bảo số lượng trẻ/nhóm, lớp theo quy định.	CBQL, giáo viên.	Kế hoạch giao tuyển sinh, hồ sơ quản lý trẻ em.	Trong các năm học	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.

Mức 2:

a) Ứng dụng CNTT hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách đảm bảo theo Điều lệ trường mầm non. Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ đầy đủ theo quy định tại mục 1 chương II của Luật Lưu trữ bao gồm các hồ sơ như: Hồ sơ quản lý trẻ em [H1-1.5-01]; Hồ sơ quản lý CB, GV, NV [H1-1.6-01]; kế hoạch phát triển nhà trường [H1-1.1-02]; kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo năm học [H1-1.6- 02]; hồ sơ phổ cập giáo dục [H1-1.6- 03]; hồ sơ quản lý tài sản, tài chính [H1-1.6-04]; hồ sơ quản lý các văn bản [H1-1.6-05].

Hàng năm nhà trường đều lập dự toán, thực hiện công tác thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định [H1-1.6- 06]; định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản, lưu trữ chứng từ thu, chi, quyết toán đầy đủ và công khai theo quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và các quy định hiện hành. Có đầy đủ các chứng từ, lưu trữ theo quy định [H1-1.6-07]; [H1-1.6-08]; [H1-1.6-09].

Hàng năm nhà trường làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản trên hệ thống phần mềm tài sản, phần mềm misa, quản lý trên hệ thống sổ sách của kế toán và sổ theo dõi tài sản của các lớp có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc, giáo dục. [H1-1.6-09]; [1.6-10].

Mức 2

Trong các năm học nhà trường sử dụng có hiệu quả việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý hành chính, tài sản và các hoạt động trong nhà trường như: Quản lý trên hệ thống quản lý văn bản, hệ thống gmail chung, zalo trên trang Web của nhà trường, trên phần mềm cơ sở dữ liệu quốc gia; sử dụng phần mềm Misa [1.6-10]; [1.6-11]; [1.6-12]; [1.6-13].

Trong 5 năm liên tiếp nhà trường được các cấp kiểm tra đánh giá, kết luận thực hiện tốt việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản, lưu trữ các chứng từ đầy đủ, khoa học không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản theo kết luận của thanh tra [1.6-10].

Mức 3

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương và các quy định của pháp luật như: Kế hoạch chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường theo giai đoạn và theo năm học, kế hoạch vận động tài trợ [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]; [H1-1.6-07];

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách theo quy định Điều lệ Trường Mầm non và được lưu trữ đầy đủ theo quy định của Thông tư số 10/2022/TT-BNV. Hàng năm nhà trường đã làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả nâng cao chất lượng các hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Trong những năm qua nhà trường chỉ đạo ứng dụng CNTT trong

công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Trong 5 năm liên tiếp nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản. Có đầy đủ kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương để xây dựng và phát triển nhà trường hiệu quả.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Duy trì và làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục	CBQL, kế toán, tổ chuyên môn, tổ văn phòng	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học	Năm 2025-2026 và trong các năm học tiếp theo	Không
Hàng năm xây dựng kế hoạch vận động tài trợ tuyên truyền tới nhân dân, các đoàn thể, tổ chức khác, các doanh nghiệp, các cá nhân và các bậc cha mẹ trẻ về công tác XHHGD nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng CSGD trẻ trong nhà trường.	Hiệu trưởng	Không	Năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	Không
Tiếp tục xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế của địa phương.	Hiệu trưởng	Kế hoạch trung hạn, dài hạn	Năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV, NV;

b) Phân công, sử dụng CBQL, GV, NV rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) CBQL, GV, NV được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của CBQL, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường [H1-1.1-02]; kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ CBQL, GV và nhân viên [H1-1.7-01].

Hàng năm nhà trường thực hiện phân công, sử dụng CBQL, GV, NV đảm bảo hợp lý, phù hợp với năng lực sở trường công tác, đảm bảo hiệu quả nhằm phát huy khả năng của mỗi cá nhân trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.4-04].

Hàng năm CBQL, GV, NV được đảm bảo các quyền theo Điều 29 Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT. 100% GV, nhân viên được đảm bảo các quyền: được tôn trọng, bảo vệ nhân phẩm, danh dự và thân thể, được hưởng các quyền lợi về vật chất, tinh thần theo quy định; được tự chủ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn và nhà trường, được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; được hưởng tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật; được tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, hưởng nguyên lương, phụ cấp theo lương và các chế độ chính sách khác theo quy định khi được cấp có thẩm quyền cử đi học tập bồi dưỡng; được khen thưởng, tặng danh hiệu thi đua và các danh hiệu cao quý khác, các quyền khác theo quy định của pháp luật [H1-1.3-08]; [H1-1.7-02].

Mức 2

Trong các năm qua nhà trường có các biện pháp để phát huy năng lực của CB, GV, NV như: phân công nhiệm vụ cụ thể, phù hợp với năng lực của từng người; tăng cường tuyên truyền, giáo dục viên chức, người lao động nâng cao nhận thức, ý thức; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý chỉ đạo; bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên; tiếp tục đổi mới công tác thi đua khen thưởng gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ; tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục góp phần phát triển và nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường [H1-1.7-01]; [H1-1.7-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng đầy đủ các loại kế hoạch theo quy định, có các nội dung bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV, NV, phân công nhiệm vụ cụ thể, hợp lý, rõ ràng phù hợp với năng lực, điều kiện hoàn cảnh của từng người, có những biện pháp phát huy được khả năng của đội ngũ CB, GV, NV trong xây dựng, phát triển, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục của nhà trường. 100% CB, GV, NV trong nhà trường được bảo đảm các quyền theo quy định.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và sinh hoạt chuyên đề cho đội ngũ CBQL, giáo viên theo hướng nghiên cứu bài học tập trung nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên nhà trường.	CBQL, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên.	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn tổ chuyên môn.	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	Không
Xây dựng kế hoạch chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên tập trung nâng cao năng lực đội nhân viên nhà trường.	CBQL, tổ trưởng văn phòng, nhân viên	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn tổ văn phòng.	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	
Xây dựng đội ngũ cốt cán giúp đỡ các giáo viên còn hạn chế.	Hiệu trưởng	Không	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	Không
Đảm bảo đầy đủ các quyền lợi cho CBQL, GV, NV theo quy định.	CBQL, giáo viên.	Điều lệ trường mầm non, Các văn bản quy định chế độ chính sách cho CBQL, GV, NV.	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Hằng năm, nhà trường căn cứ vào Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành để chỉ đạo xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường. Năm học 2021-2022 nhà trường xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường theo Thông tư 51/TT- BGDDT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT Thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình GDMN, lựa chọn mục tiêu, nội dung, hoạt động phù hợp với nhận thức của học sinh, đảm bảo mục tiêu cuối độ tuổi, phù hợp với điều kiện của lớp, của trường và địa phương [H1-1.6-02]; [H1-1.8- 01].

Nhà trường chỉ đạo GV xây dựng và thực hiện kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo theo quy định của trường, của ngành và địa phương đảm bảo, hiệu quả cao trong các hoạt động CSGD trẻ [H1-1.6-02]; [H1-1.8-01].

Nhà trường, tổ chuyên môn phối hợp định kỳ kiểm tra, rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch giáo dục kịp thời cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp [H1-1.6-02]; [H1-1.2-07]; [H1-1.8-01]

Mức 2

Hằng năm nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ, kiểm tra đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của từng nhóm, lớp, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Chất lượng CSGD trẻ qua từng năm được nâng lên một cách rõ rệt, được thể hiện qua các đợt kiểm tra chất lượng trẻ cuối năm học và các hội thi của trẻ trong các năm học luôn được khen thưởng, đạt kết quả cao [H1-1.2- 07]; [H1-1.8-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục sát với Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành, đảm bảo phù hợp với khả năng, năng lực của từng trẻ, với điều kiện của lớp, của trường và địa phương, triển khai thực hiện kế hoạch đầy đủ, hiệu quả và được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời. Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Cán bộ quản lý tiếp tục chỉ đạo tăng cường công tác tự học tự bồi dưỡng nâng cao năng lực chăm sóc giáo dục	CBQL, tổ chuyên môn, giáo viên	Phương hướng chiến lược phát triển nhà trường theo từng năm học, kế hoạch	Năm học 2025-2026 và các năm	Không

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
trẻ của đội ngũ nhà giáo		bồi dưỡng chuyên môn.	tiếp theo	
Thực hiện phát triển chương trình phù hợp với điều kiện địa phương: Tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học, xây dựng chương trình phù hợp với địa phương.	CBQL, tổ chuyên môn, giáo viên	Kế hoạch giáo dục nhà trường. Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em.	Năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	Không
Xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất, kịp thời tư vấn, thúc đẩy việc thực hiện kế hoạch giáo dục của giáo viên tại các nhóm lớp.	CBQL, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên cốt cán	Phương hướng chiến lược phát triển nhà trường. Kế hoạch kiểm tra nội bộ.	Năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm CBQL, GV, NV trong trường được tham gia, thảo luận đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định và quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường tại Hội nghị cán bộ viên chức như: các mục tiêu, nhiệm vụ, phương hướng chiến lược phát triển nhà trường, quy chế dân chủ, quy tắc ứng xử văn

hóa trường học, quy chế chuyên môn, quy chế quản lý tài sản, thực hiện huy động trẻ ra lớp và các quy định khác liên quan đến các hoạt động của nhà trường [H1-1.1-05]; [H1-1.6-08]; [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02].

Nhà trường luôn thực hiện tốt, đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định, đúng pháp luật, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của CB, GV, NV cha mẹ trẻ trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường [H1-1.3-08].

Hàng năm nhà trường làm tốt công tác báo cáo kịp thời lên cấp trên về kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị, đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.9- 01]; [H1-1.9- 02]; [H1-1.9- 03].

Mức 2

Nhà trường có biện pháp và cơ chế giám sát thực hiện tốt quy chế dân chủ đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả: công khai chất lượng chăm sóc, giáo dục, chất lượng đội ngũ GV, chất lượng học sinh, tài chính, tài sản, các kế hoạch của nhà trường, công tác thi đua, bình xét nâng lương, công tác Đảng, các văn bản liên quan đến chế độ chính sách CB, GV, NV và kết quả xã hội hóa trên bảng tin, bảng công khai, báo cáo tổng kết của nhà trường để mọi người cùng biết [H1-1.1-05]; [H1-1.9-01]; [H1-1.9-04].

2. Điểm mạnh

Hàng năm nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ, đảm bảo 100% CBQL, GV, NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy chế hoạt động, quy chế chi tiêu nội bộ. Công tác dân chủ tại đơn vị được trú trọng nên không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Nhà trường làm tốt công tác báo cáo kịp thời lên cấp trên về kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị. Có các biện pháp, cơ chế giám sát việc thực hiện theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch dưới mọi hình thức trong các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường thực hiện tốt công tác dân chủ, công khai minh bạch, phát huy quyền dân chủ của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc góp ý nội quy quy chế, quy định liên quan đến các hoạt động của nhà trường.	CBQL	Quy chế dân chủ. Bảng công khai.	Năm 2025-2026 và trong các năm học tiếp theo	Không
Hội đồng trường thực hiện đúng nhiệm vụ trong việc	Hội đồng trường	Quy chế hoạt động	Năm 2025-	Không

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
giám sát thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường.		của hội đồng trường, Quy chế dân chủ.	2026 và trong các năm học tiếp theo	
Nhân dân trên địa bàn phát huy vai trò của mình trong việc giám sát thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường.	Nhân dân trên địa bàn	Quy chế dân chủ	Năm 2025-2026 và trong các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Đảm bảo theo quy định về an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho CBQL giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) CBQL, GV, NV và trẻ được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường xây dựng đầy đủ các loại phương án thực hiện theo giai đoạn, theo năm học như: phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; phương án VSATTP [H1-1.10-03]; phương án an toàn phòng, chống tai nạn,

thương tích [H1-1.10-04]; phương án an toàn phòng, chống cháy, nổ [H1-1.10-05]; phương án phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-06]; phương án phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-07]; phương án phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-08]; Nhà trường có tổ chức bếp ăn được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện VSATTP do Chi cục VSATTP và Phòng GD&ĐT [H1-1.10-09]; [H1-1.10-10].

Nhà trường có hòm thư góp ý được đặt ở nơi thuận lợi, có số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin phản ánh của CBQL, GV, NV, phụ huynh học sinh, của người dân, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến. Đảm bảo an toàn cho CBQL, GV, NV và trẻ trong nhà trường [H1-1.2-07]; [1.10-12].

Nhà trường không có CB, GV, NV có hiện tượng kỳ thị phân biệt đối xử với học sinh và phụ huynh luôn thực hiện công bằng với tất cả học sinh, không có hành vi bạo lực trẻ em và những hành vi, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.2-07]; [H1-1.10-07].

Mức 2

Nhà trường đã phổ biến, hướng dẫn cho tất cả CBQL, GV, NV và học sinh thực hiện các phương án như: phương án đảm bảo an ninh trật tự; phương án VSATTP; phương án an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; phương án an toàn phòng, chống cháy, nổ; phương án phòng, chống dịch bệnh; phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phương án phòng, chống bạo lực trong nhà trường; phương án phòng, chống dịch bệnh [H1-1.2-07]; [H1-1.10-11].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, đảm bảo an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Trong các năm học không có hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường trong nhà trường [H1-1.10-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án theo quy định, phổ biến, hướng dẫn tới toàn thể CB, GV, NV, học sinh, thực hiện có hiệu quả. Có hòm thư góp ý đặt ở nơi thuận tiện để cho GV, NV, phụ huynh học sinh và các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến. Thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực trong nhà trường, đảm bảo an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Không có trường hợp nào bị kỳ thị, không có CB, GV, NV nào có hành vi bạo lực trẻ em và những hành vi, vi phạm pháp luật khác trong nhà trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tập huấn về phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội, bạo lực học đường.	CBQL	Mời công an xã, y tế xã	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	
Xây dựng các phương án đảm bảo an ninh trật tự trường học	CBQL	Không	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	Không
Xây dựng phương án đảm bảo an toàn trường học	CBQL	Không	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	Không
Xây dựng phương án phòng chống cháy nổ, cứu nạn cứu hộ.	CBQL	Không	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	Không
Xây dựng phương án phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm.	CBQL	Không	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	Không
Giao nhiệm vụ cụ thể cho bảo vệ tăng cường kiểm tra công tác bảo đảm an ninh trật tự trường học, giáo viên chủ nhiệm các lớp để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ	Hiệu trưởng	Phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 1

Nhà trường có phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường đảm bảo theo quy định tại Điều lệ Trường Mầm non; có chi bộ Đảng và các đoàn thể hoạt động theo đúng quy định; có Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn, tổ văn phòng đủ theo quy định. Các tổ khối hoạt động hiệu quả, được định kì rà soát đánh giá, điều chỉnh và nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường.

Hằng năm, nhà trường có số lượng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đảm bảo theo quy định, được phân chia theo độ tuổi. 100% trẻ được học 2 buổi/ngày.

Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ và được lưu trữ theo quy định của Luật lưu trữ; Làm tốt công tác quản lý tài chính, hằng năm lập dự toán thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản đúng mục đích, có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Ứng dụng CNTT hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Nhà trường có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp với điều kiện của nhà trường, thực tế địa phương. Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ giáo viên, nhân viên. Thực hiện phân công, sử dụng cán bộ hợp lý, hiệu quả, đảm bảo được các quyền, chế độ theo quy định. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với quy định của Bộ giáo dục, điều kiện thực tế, đảm bảo mục tiêu giáo dục, định kỳ có rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung kịp thời, chất lượng CSGD trẻ đạt hiệu quả. Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ, hằng năm có báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở với phòng GD&ĐT, thực hiện công khai, minh bạch các nội dung và hoạt động của nhà trường theo đúng quy định. Thực hiện nghiêm túc quy chế, các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Công tác an ninh trật tự, an toàn trường học được đảm bảo duy trì ổn định qua các năm. Trong những năm qua không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường, nhà trường đều được đánh giá đạt trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10 tiêu chí

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 0 tiêu chí

Tiêu chuẩn 2: CBQL, GV, NV

Mở đầu

Nhà trường có đội ngũ CBQL, GV, NV có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết với nghề nghiệp, 100% đội ngũ cán bộ giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn, trong đó tỷ lệ trên chuẩn đạt ở mức cao. Chất lượng, năng lực đội ngũ từng bước được nâng lên đáp ứng với nhiệm vụ CSGD trẻ theo chương trình GDMN và yêu cầu đổi mới về GDMN trong giai đoạn hiện nay.

Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng của nhà trường có nhiều năm công tác liên tục trong ngành GDMN, có năng lực quản lý và khả năng ứng dụng CNTT tốt

trong quản lý và chỉ đạo chuyên môn. Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng có trình độ đào tạo đại học, có bằng trung cấp lý luận chính trị và được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục. Đội ngũ CBQL, GV, NV thường xuyên được bồi dưỡng và tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ.

Hàng năm CBQL được đánh giá xếp loại theo chuẩn Hiệu trưởng đạt ở mức khá trở lên. Giáo viên được đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non từ mức đạt trở lên. Tất cả cán bộ, giáo viên và nhân viên đều được tham gia các lớp bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, được đảm bảo các quyền lợi, chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành, được đánh giá xếp loại hàng năm công bằng, khách quan và sát thực. Đội ngũ giáo viên, nhân viên được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế và thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Không có CBQL, GV, NV vi phạm đạo đức nhà giáo.

Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có Hiệu trưởng, 1 phó Hiệu trưởng đáp ứng được các tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ Trường Mầm non [H1-1.4-01]; Hiệu trưởng (Nguyễn Thị Nga) có thời gian công tác liên tục trong GDMN là 28 năm; phó Hiệu trưởng 1 (Phạm Thị Hà) có thời gian công tác liên tục trong ngành GDMN là 32 năm [H2-2.1-01]; phó Hiệu trưởng 2 (Hà Thị Hương)) có thời gian công tác liên tục trong ngành GDMN là 21 năm; Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng đều có bằng đại học sư phạm mầm non, trung cấp lý luận chính trị, hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục, có uy tín về chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ [H2-2.1-02]; có đủ sức khỏe và năng lực tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động của nhà trường [H2-2.1-03].

Hàng năm Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng được đánh giá xếp loại theo chuẩn Hiệu trưởng đạt từ khá trở lên: Hiệu trưởng được đánh giá chuẩn Hiệu trưởng 02

năm xếp loại tốt, 03 năm xếp loại khá; phó Hiệu trưởng có 04 năm xếp loại tốt, 01 năm khá [H2-2.1-04].

Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định như: Bồi dưỡng chính trị, bồi dưỡng thường xuyên, chuyên môn hè, bồi dưỡng các chuyên đề các cấp [H2-2.1-06], [H1-1.3-03].

Mức 2

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng được đánh giá chuẩn Hiệu trưởng xếp loại ở mức khá trở theo chuẩn Hiệu trưởng Trường Mầm non [H2-2.1-04].

Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng có bằng trung cấp lý luận chính trị [H2-2.1-02]; trong quá trình công tác luôn được sự tín nhiệm của tập thể giáo viên, nhân viên trong trường đánh giá tốt về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và năng lực chuyên môn nghiệp vụ, luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ trở lên, được lãnh đạo các cấp đánh giá cao và khen thưởng [H2-2.1-05].

Mức 3

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá Hiệu trưởng được đánh giá 02 năm xếp loại tốt, 03 năm xếp loại khá; 02 phó Hiệu trưởng được đánh giá ở mức khá trở lên theo chuẩn Hiệu trưởng Trường Mầm non [H2-2.1-04].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng nhà trường đảm bảo các yêu cầu về trình độ đào tạo, năm công tác theo quy định. Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị. Có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động của nhà trường. Trong 05 năm liên tiếp Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng đều được đánh giá xếp loại theo chuẩn Hiệu trưởng từ mức khá trở lên theo quy định chuẩn Hiệu trưởng.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
CBQL nhà trường tiếp tục tích cực bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và năng lực quản lý, phân	Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng.	Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ban hành quy định chuẩn Hiệu	Trong năm học 2025-2026 và các năm học tiếp	Không

đầu được đánh giá xếp loại chuẩn Hiệu trưởng ở mức tốt.		trường cơ sở giáo dục	theo.	
--	--	--------------------------	-------	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình GDMN theo quy định;

b) Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo đảm bảo quy định của Chính phủ và lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên theo kế hoạch của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình GDMN theo quy định cụ thể: Năm học 2025-2026 nhà trường có tổng số 29 giáo viên/14 nhóm, lớp tỷ lệ 2,07 giáo viên/nhóm, lớp đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.7-02].

Nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 [H2-2.2-01].

Tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp GVMN ở mức khá trở lên [H2-2.2-02].

Mức 2

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá từ mức khá trở lên theo chuẩn nghề nghiệp GVMN, cụ thể: trung bình các năm đạt mức tốt 20/29 đạt 68,9%, mức khá 9/29 đạt 31,1%; [H2-2.2-02].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.3-03].

Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá từ mức khá trở lên theo chuẩn nghề nghiệp GVMN, cụ thể: trung bình các năm đạt mức tốt 20/29 đạt 68,9%, mức khá 9/29 đạt 31,1%; [H2-2.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện chương trình GDMN theo quy định. 100% giáo viên có trình độ đào tạo chuẩn và trên chuẩn, trong đó tỷ lệ đạt trên chuẩn ở mức cao. Tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá, xếp loại khá trở lên theo chuẩn nghề nghiệp GVMN. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục tạo điều kiện cho giáo viên tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	CBQL, giáo viên.	TT 26/TT-BGDĐT, ngày 8 tháng 10 năm 2018 chuẩn nghề nghiệp GVMN.	Trong năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	Không
Tiếp tục bồi dưỡng nâng cao chuẩn nghề nghiệp cho giáo viên.	CBQL, giáo viên.	TT 26/TT-BGDĐT, ngày 8 tháng 10 năm 2018 chuẩn nghề nghiệp GVMN.	Trong năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công;*
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.*

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có đủ nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm theo quy định gồm: 01 nhân viên phục vụ kiêm thủ quỹ, 01 nhân viên bảo vệ, 01 nhân viên y tế học đường, 01 nhân viên kế toán, 03 nhân viên nấu ăn (hợp đồng ngắn hạn), 02 giáo viên kiêm nhiệm hỗ trợ công tác nấu ăn. Số lượng nhân viên đủ theo quy định, đảm bảo các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công đáp ứng được nhu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.4-05]; [H2-2.3-01].

Nhân viên trong nhà trường được hiệu trưởng phân công công việc rõ ràng, phù hợp với khả năng, năng lực, trình độ chuyên môn và năng lực thực tế của từng người [H1-1.4-05].

Nhân viên trong nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao, thực hiện đúng nội quy, quy chế chuyên môn, công tác tổ chức nấu ăn cho trẻ, công tác chăm sóc sức khỏe và bảo quản tốt cơ sở vật chất trong nhà trường và hằng năm đều được hiệu trưởng đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H2-2.3-02].

Mức 2

Nhà trường có đủ nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và khoản 4 Điều 5 Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGD&ĐT- BNV ngày 16/3/2015 của Bộ GD&ĐT và Bộ nội vụ, quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở GDMN công lập. Số lượng người nấu ăn chưa đủ định mức theo quy định do đời sống nhân dân còn khó khăn nên mức đóng góp để thuê người nấu ăn cho trẻ thấp, chưa đủ để thuê thêm người làm công tác nấu ăn cho trẻ. Hiện tại trường đang bố trí nhân viên phục vụ, y tế, kế toán, bảo vệ, 02 giáo viên kiêm nhiệm hỗ trợ công tác nấu ăn cho trẻ [H1-1.4-05].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, 100% nhân viên trong nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, không có nhân viên bị kỷ luật [H1-1.3-08]; [H1-1.4-05].

Mức 3

Đội ngũ nhân viên của nhà trường có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm. Nhân viên kế toán có bằng tốt nghiệp đại học, nhân viên y tế có bằng trung cấp y sĩ đa khoa, nhân viên phục vụ có bằng cao đẳng kế toán. Hằng năm nhân viên nấu ăn được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ [H2-2.3-03]; [H2-2.3-04].

Hằng năm nhân viên y tế, nhân viên phụ trách công tác bán trú được bồi dưỡng công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, nhân viên kế toán được bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán, nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng về nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy, nghiệp vụ bảo vệ theo vị trí được phân công [H2-2.3-04].

2. Điểm mạnh

Trường có số lượng nhân viên đủ theo quy định, các nhân viên có trình độ đào tạo theo chuyên ngành đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ; được tham gia bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm, được đánh giá hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Việc phân công nhiệm vụ cho nhân viên, người lao động hợp lý, thuận lợi cho việc triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả công việc. Trong 05 liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật.

3. Điểm yếu

Số lượng người nấu ăn chưa đủ định mức theo quy định do đời sống nhân dân còn khó khăn nên mức đóng góp để thuê người nấu ăn cho trẻ thấp, chưa đủ để thuê thêm người làm công tác nấu ăn cho trẻ nên nhà trường đã phân công 04 nhân viên và 02 giáo viên kiêm nhiệm công tác nấu ăn cho trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục duy trì số lượng nhân viên hiện có. Thực hiện phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ đào tạo và năng lực làm việc của mỗi nhân viên.	Nhân viên.	Phân công nhiệm vụ.	Trong năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	Không
Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn cho nhân	CBQL, nhân viên y tế,	Kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ y tế, kế toán, nấu	Trong năm học 2025-2026 và các	Không

viên y tế, nhân viên kế toán, nhân viên nấu ăn.	nấu ăn.	ăn, vệ sinh an toàn thực phẩm.	năm học tiếp theo.	
---	---------	--------------------------------	--------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 2

Nhà trường có CBQL, GV, NV đảm bảo hợp lý về cơ cấu, đáp ứng được các yêu cầu thực hiện nhiệm vụ theo quy định. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng trong nhà trường đảm bảo các yêu cầu theo quy định, có bằng đại học sư phạm, có thời gian công tác liên tục trong ngành GDMN từ 19 năm trở lên. Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý giáo dục, lý luận chính trị, có đủ sức khỏe để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao, được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được xếp loại chuẩn Hiệu trưởng từ khá trở lên, 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn. Tính đến thời điểm đánh giá có 100% giáo viên được đánh giá, xếp loại đạt trở lên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

Trường có các nhân viên theo quy định, có trình độ đào tạo theo chuyên ngành đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ. Hằng năm được tham gia bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm, được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Việc phân công nhiệm vụ cho nhân viên, người lao động hợp lý, thuận lợi cho việc triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả công việc. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên, nhân viên bị kỷ luật.

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 3/3 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0 tiêu chí

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu

Trường Mầm non Thanh Hưng được xây dựng ở Thôn Hưng Thịnh, xã Thanh Hưng với diện tích đất 5265m², khuôn viên xanh sạch đẹp, hệ thống cây xanh tạo bóng mát thường xuyên được cắt tỉa đẹp. Nhà trường có cổng trường, biển tên trường, tường bao quanh ngăn cách với bên ngoài. Có nguồn nước sạch đủ cho các hoạt động CSGD trẻ của nhà trường, hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Các khu trải nghiệm cho trẻ: Khu trải nghiệm khơi nguồn sáng tạo, vườn cổ tích, khu phát triển vận động sân chơi, các khu vực cho trẻ chơi bảo đảm yêu cầu. Có đủ các khối phòng nuôi dưỡng, CSGD trẻ, phòng sinh hoạt chung, hiên chơi đảm bảo về diện tích và các thiết bị phục vụ cho công tác CSGD trẻ, các khối phòng giáo dục nghệ thuật, khu giáo dục thể chất, văn phòng trường, phòng hành chính-quản trị, phòng Tin học. Nhà vệ sinh của giáo viên và trẻ đảm bảo theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm

2020 ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các Trường Mầm non và thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ GD&ĐT sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường MN, TH, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT. Nhà trường có bếp ăn gồm: Khu giao nhận thực phẩm, khu sơ chế, khu chế biến thực phẩm, khu nấu ăn, khu chia thức ăn được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều, kho bếp được phân chia khu để lương thực và khu để thực phẩm, thiết bị bảo quản thực phẩm, đủ các thiết bị đồ dùng đảm bảo theo quy định, hằng năm được kiểm kê, sửa chữa, bổ sung nâng cấp đáp ứng nhu cầu tổ chức nuôi dưỡng, CSGD trẻ.

Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

Mức 1:

a) Vị trí đặt trường, điểm trường;

b) Quy mô;

c) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình.

Mô tả hiện trạng

Mức 1

Trường Mầm non Thanh Hưng được xây dựng ở Thôn hưng Thịnh xã Thanh Hưng có hệ thống giao thông thuận lợi cho trẻ đến trường [3.1-01].

Trong 5 năm gần đây nhà trường có quy mô: Năm học 2021 - 2022 nhà trường có 15 nhóm/lớp với 423 trẻ em; năm học 2022 - 2023 nhà trường có 15 nhóm/lớp với 419 trẻ em; năm học 2023 - 2024 nhà trường có 15 nhóm/lớp với 387 trẻ em; năm học 2024 - 2025 nhà trường có 15 nhóm/lớp với 352 trẻ em; năm học 2025-2026 nhà trường có 14 nhóm/lớp với 314 học sinh. Các lớp được phân chia theo độ tuổi với số trẻ không vượt quá quy định quy định tại điều lệ trường mầm non. Các lớp được tổ chức thành nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đơn và lớp mẫu giáo có lớp ghép [H1-1.5-02].

Trường có tổng diện tích đất 5265m², trong đó tổng diện tích khu đất xây dựng 1827m² (đạt 34,7%), diện tích sân vườn là 2465m² cho trẻ hoạt động trải nghiệm và tổ chức các hoạt động giáo dục (trong đó diện tích sân chơi 844,2m², diện tích vườn 1205m²) đảm bảo theo quy định [H3-3.1-02].

2. Điểm mạnh

Trường được đặt ở khu vực đông dân cư, giao thông thuận lợi cho phụ huynh đưa đón trẻ đến trường. Trường có quy mô 9 nhóm, lớp đảm bảo theo thông tư 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường có đủ diện tích đất sử dụng và diện tích sàn xây dựng bình quân vđảm bảo

theo quy định.

Trong 5 năm gần đây nhà trường có quy mô: Năm học 2021 - 2022 nhà trường có 15 nhóm/lớp với 423 trẻ em; năm học 2022 - 2023 nhà trường có 15 nhóm/lớp với 419 trẻ em; năm học 2023 - 2024 nhà trường có 15 nhóm/lớp với 387 trẻ em; năm học 2024 - 2025 nhà trường có 15 nhóm/lớp với 352 trẻ em; năm học 2025-2026 nhà trường có 14 nhóm/lớp với 314 học sinh. Các lớp được phân chia theo độ tuổi với số trẻ không vượt quá quy định quy định tại điều lệ trường mầm non. Các lớp được tổ chức thành nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đơn và lớp mẫu giáo có lớp ghép [H1-1.5-02].

Trường có tổng diện tích đất 5265m² bình quân 16,7m²/trẻ đảm bảo theo quy định.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tham mưu với UBND xã Thanh Nưa cấp kinh phí cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất trường lớp. Vận động tài trợ xã hội hoá giáo dục các nguồn lực.	CBQL, GV, NV	Tờ trình; Xây dựng kế hoạch; Thư ngỏ; Xây dựng dự toán kinh phí	Năm 2025	100.000.000đ

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

Mức 1:

- a) Khối phòng hành chính quản trị;
- b) Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em;
- c) Khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các trường tổ chức nấu ăn), khối phụ trợ.

Mức 2:

- a) Khối phòng hành chính quản trị;
- b) Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em;
- c) Khối phụ trợ.

Mức 3:

Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em đảm bảo theo quy định

tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có đủ khối phòng hành chính - quản trị theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 và Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Bộ GD&ĐT sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường MN, TH, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo TT số 13/2020/TT-BGDĐT bao gồm: 01 phòng hiệu trưởng, 02 phòng phó hiệu trưởng, 01 văn phòng trường; 01 phòng dành cho nhân viên; phòng bảo vệ; 02 khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; 01 khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; phòng Hiệu trưởng có diện tích $15,39\text{m}^2$, phòng phó Hiệu trưởng 1 có diện tích $17,28\text{m}^2$, 01 phòng phó hiệu trưởng 2 có diện tích $16,28\text{m}^2$, văn phòng trường có diện tích 70m^2 , phòng nhân viên $15,39\text{m}^2$, phòng bảo vệ $10,08\text{m}^2$; phòng bảo vệ đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi; 01 khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo diện tích và có đủ trang thiết bị vệ sinh theo quy định; 01 khu để xe có mái che với tổng diện tích 66m^2 được bố trí an toàn, tiện lợi. Các phòng khối hành chính-quản trị được xây dựng kiên cố, có đủ trang thiết bị, máy vi tính và các phương tiện làm việc [3.2-01].

Năm học 2025-2026 nhà trường có 14 phòng sinh hoạt chung được xây dựng kiên cố đảm bảo mỗi nhóm, lớp có 1 phòng để tổ chức các hoạt động chơi, ăn, ngủ có diện tích trung bình $57,4\text{m}^2$ /phòng (trong đó mẫu giáo diện tích trung bình 35m^2 /phòng, nhóm trẻ diện tích trung bình $30,76\text{m}^2$ /phòng) trung bình $1,7\text{m}^2$ /trẻ. Nhà trường có 01 khu giáo dục thể chất diện tích $164,6\text{m}^2$ có các đồ dùng, thiết bị, đồ chơi phát triển vận động (cổng chui nhựa, cổng chui sắt, ghế thể dục, bục thể dục, bộ khung bóng đá,...) để tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất; 01 phòng âm nhạc với diện tích $62,64\text{m}^2$ có các thiết bị gương, gióng múa, đàn, trang phục, dụng cụ âm nhạc, giá vẽ tạo hình, các vật liệu đảm bảo đầy đủ đạt chuẩn theo quy định để tổ chức cho trẻ các hoạt động nghệ thuật âm nhạc như múa, học đàn, biểu diễn văn nghệ, vẽ tranh, sáng tạo nghệ thuật; [3.2-02]. Khu vệ sinh được xây dựng ở khu vực thuận tiện gần với phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, dễ quan sát, hệ thống thiết bị cấp nước phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo vệ sinh, có vách ngăn cao 1,50m giữa chỗ đi tiểu và bồn cầu, có tiểu treo dùng cho trẻ em trai, có xí bệt dùng cho trẻ em gái. Khu vực rửa tay của trẻ em được bố trí riêng với tiêu chuẩn 08 trẻ em/chậu rửa, các thiết bị vệ sinh được lắp đặt phù hợp với độ tuổi; có nhà vệ sinh riêng cho trẻ em trai, trẻ em gái [3.2-03]. Hiên chơi, đón trẻ em thuận tiện cho việc đưa, đón và sinh hoạt của trẻ em khi trời mưa, nắng có diện tích 198m^2

đảm bảo $1\text{m}^2/\text{trẻ}$ và diện tích thông thủy là 2m , xung quanh hiên chơi có lan can với chiều cao là 01m [3.2-04]. Nhà trường có hệ thống chiếu sáng theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng; hệ thống quạt và thông gió phù hợp với điều kiện thực tế đảm bảo ấm về mùa đông, mát về mùa hè.

Nhà trường có 01 bếp ăn được xây dựng kiên cố với diện tích là $48,3\text{m}^2$, có khu giao nhận thực phẩm, khu sơ chế, khu chế biến thực phẩm, khu nấu ăn, khu chia ăn được thiết kế và tổ chức theo quy trình hoạt động bếp một chiều. Hằng năm bếp ăn được tôn tạo nâng cấp mua sắm bổ sung trang thiết bị cần thiết nhằm đảm bảo cơ sở vật chất cho công tác tổ chức ăn bán trú của trường. Kho bếp của nhà trường được xây dựng bán kiên cố có diện tích 40m^2 , có khu để lương thực và khu để thực phẩm có lối nhập, xuất hàng thuận tiện, độc lập và phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm, có thiết bị bảo quản thực phẩm, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn, thực hiện lưu mẫu đúng quy định được bảo quản tối thiểu trong 24 giờ, tủ lạnh được kiểm tra vệ sinh sạch sẽ thường xuyên [3.2-05]. Khối phụ trợ của nhà trường gồm 01 phòng họp sử dụng làm nơi sinh hoạt chung và sinh hoạt chuyên môn của giáo viên ngoài giờ lên lớp được trang bị đầy đủ các thiết bị máy tính.... phục vụ cho tổ chức các hoạt động, phòng y tế có giường bệnh, tủ thuốc có các loại thuốc thiết yếu, các trang thiết bị và đồ dùng theo dõi sức khỏe cho trẻ, có bảng theo dõi sức khỏe trẻ, kế hoạch công tác y tế tháng/năm, kế hoạch phục hồi trẻ suy dinh dưỡng, tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh cho trẻ, có sơ đồ xử trí sốc phản vệ; có đầy đủ máy móc, thiết bị, tủ đựng hồ sơ sổ sách; 01 nhà kho để dụng cụ chung và học phẩm của trường được xây dựng là nhà tạm cột sắt, mái lợp tôn [3.2-06]; có sân vườn rộng rãi thoáng đãng với nhiều cây xanh, bãi cỏ không trơn trượt, mát mẻ thuận lợi để tổ chức các hoạt động vui chơi tập thể; cổng trường ở trung tâm và các điểm trường được kiên cố có gắn biển tên trường, hàng rào vững chắc, an toàn [3.2-07].

Mức 2

Khối phòng hành chính - quản trị của nhà trường đảm bảo diện tích và các trang thiết bị theo đúng quy định của thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 và Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ GD&ĐT sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường MN, TH, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học bao gồm: 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng phó Hiệu trưởng, 01 văn phòng trường; phòng dành cho nhân viên; phòng bảo vệ; khu để xe có mái che [3.2-01].

14 nhóm lớp của nhà trường đều có phòng sinh hoạt chung của được xây dựng kiên cố đảm bảo diện tích mỗi phòng là 35m^2 . Có 01 khu giáo dục thể chất diện tích

164,6m², 01 phòng nghệ thuật diện tích 62,6m², 01 phòng tin học, ngoại ngữ có diện tích 42,78m²/phòng, các phòng được xây dựng kiên cố và có đầy đủ đồ dùng trang thiết bị cần thiết đáp ứng nhu cầu hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ của nhà trường [3.2-02]. Các khu vệ sinh trung tâm và điểm trường được xây dựng ở khu vực thuận tiện gần với phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, vị trí dễ quan sát, đảm bảo vệ sinh, có nhà vệ sinh riêng cho trẻ em trai, trẻ em gái. Có hệ thống thiết bị cấp nước phù hợp với điều kiện thực tế, có vách ngăn cao 1,50m. Các khu vệ sinh đều có đủ số lượng tiểu treo hoặc máng xi măng, xí bệt đảm bảo số lượng và quy chuẩn theo quy định. Khu vực rửa tay của trẻ em được bố trí riêng đảm bảo đủ 08 trẻ em/chậu rửa, các thiết bị vệ sinh được lắp đặt phù hợp với độ tuổi [3.2-03]. Hiên chơi đảm bảo diện tích thuận tiện cho việc đưa, đón và sinh hoạt của trẻ em, xung quanh hiên chơi có lan can với chiều cao là 01m [3.2-04]. Hệ thống chiếu sáng của nhà trường đảm bảo theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng; hệ thống quạt và thông gió đảm bảo ấm về mùa đông, mát về mùa hè.

14/14 nhóm, lớp có đầy đủ hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, tủ đồ dùng cá nhân, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định tại Điều lệ Trường Mầm non, được sắp xếp hợp lý, an toàn thuận tiện khi sử dụng [H3-3.2-08].

Mức 3

Các phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường đảm bảo theo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được bổ sung các phân khu chức năng, các lớp có hiên chơi phía trước và phía sau để trẻ tham gia các hoạt động thuận lợi, an toàn, các lớp có kho để chứa đồ dùng, đồ chơi phục vụ sinh hoạt và học tập. Phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật của nhà trường đảm bảo theo thông tư 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường có 01 phòng làm quen tin học, ngoại ngữ với các thiết bị phù hợp, phục vụ các hoạt động vui chơi, khám phá và làm quen với công nghệ thông tin, ngoại ngữ của trẻ em. [3.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn; khối phụ trợ đảm bảo theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT và Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 12 năm 2024 Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo thông tư 13/2020/TT-BGDĐT.

Nhà trường có đủ phòng sinh hoạt chung đảm bảo đảm bảo theo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ

Giáo dục và Đào tạo, được bổ sung các phân khu chức năng, có đủ trang thiết bị, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Các phòng học có hệ thống bóng điện, quạt điện đảm bảo cho hoạt động CSGD trẻ; có hệ thống tủ, kệ, giá để đồ dùng đồ chơi đảm bảo và được sắp xếp hợp lý, thuận tiện, an toàn khi sử dụng. Nhà trường có 01 khu giáo dục thể chất, 01 phòng giáo dục nghệ thuật, 01 phòng tin học, 01 phòng thư viện đảm bảo diện tích với đầy đủ các thiết bị, đồ dùng theo quy định. Nhà trường còn 01 phòng kho được xây dựng bán kiên cố.

3. Điểm yếu:

Nhà trường còn thiếu phòng thư viện, phòng ngủ cho trẻ nhà trẻ, thiếu phòng giáo dục thể chất (mới chỉ bố trí được khu giáo dục thể chất), còn 02 phòng kho được vẫn là nhà tạm chưa được xây dựng kiên cố

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường định kỳ rà soát, xây dựng kế hoạch tu sửa nâng cấp, bổ sung các thiết bị dạy học học liệu vào các phòng ban. Tiếp tục tham mưu với UBND xã xây dựng các phòng còn thiếu cho nhà trường.	CBQL	Kế hoạch phát triển nhà trường, Kế hoạch XHH GD; tờ trình.	Năm 2026	1000.000.000 đồng.
CBQL, GV, NV tuyên truyền vận động tài trợ các nguồn hỗ trợ trang cấp bổ sung các thiết bị dạy học cho các phòng học.	CBQL, GV, NV	Thư ngỏ Kế hoạch	Năm 2026 và những năm tiếp theo	Không
Thường xuyên kiểm tra việc sử dụng, bảo quản các trang thiết bị, đồ dùng, tại các khối phòng học.	CBQL	Kế hoạch phát triển nhà trường; kế hoạch XHH GD.	Năm 2025-2026 và những năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

Mức 1:

- a) Hệ thống cấp nước sạch; hệ thống cấp điện; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc và thu gom rác thải;
- b) Tỷ lệ các hạng mục kiên cố;
- c) Thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi.

Mức 2:

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố, mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Mức 3:

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố, mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch từ nước giếng khoan và nguồn nước máy đảm bảo điều kiện phục vụ ăn uống và nước sinh hoạt cho GV, NV và trẻ. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đảm bảo theo quy định tại khoản 3, Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT ngày 15/5/2016 của BGD&ĐT và Bộ y tế; có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường, lớp. Có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, khu vệ sinh, có thùng đựng và phân loại rác, tự thu gom rác và xử lý rác hằng ngày, không để rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường [3.3-01]; [H3-3.3-02]; hệ thống cấp điện bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ các hoạt động của trường [3.3-03]; [H3-3.3-04]; hệ thống phòng cháy, chữa cháy của nhà trường đảm bảo theo các quy định hiện hành: Thông tư 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an, Thông tư số 08/2018/TT-BCA, ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP của Chính phủ về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC, Thông tư số 150/2020/TT-BCA, ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an và luật phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ 55/2024/QH15 ngày 29/11/2024 [H3-3.3-05]. Trường có hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc đầy đủ với điện thoại và mạng internet phục vụ nhu cầu của cán bộ, giáo viên, nhân viên và các hoạt động khác trong nhà trường [H3-3.3-06]; Khu thu gom rác thải của trường được bố trí hợp lý, cuối hướng gió thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển đảm bảo vệ sinh, không gây ô nhiễm môi trường [3.3-01].

Khối phòng hành chính quản trị khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em khối phòng tổ chức ăn khối phụ trợ có hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục

công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định mức 2 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố đạt 100% và cấp công trình xây dựng (sân vườn, đường nội bộ, hàng rào...) đạt cấp IV [3.2-01]; [3.2-02]; [3.2-05]; [3.2-06].

14/14 nhóm, lớp có thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ công tác chăm sóc, giáo dục trẻ em theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015 về ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H3-3.3-08]. Hằng năm nhà trường lựa chọn đồ chơi, học liệu theo thông tư 47/2020/TT-BGDĐT, chỉ đạo các nhóm, lớp làm đồ dùng, đồ chơi đảm bảo tính giáo dục, an toàn, bền đẹp phù hợp với các chương trình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ [H3-3.2-08]; [3.3-07].

Mức 2

Các hạng mục công trình khối phòng hành chính quản trị, khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em, khối phòng tổ chức ăn khối phụ trợ được xây dựng kiên cố, và bán kiên cố mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tỷ lệ kiên cố đạt 88,2% [3.2-01]; [3.2-02]; [3.2-05]; [3.2-06].

Mức 3

Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình khối phòng hành chính quản trị, khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em [3.2-02]; khối phòng tổ chức ăn khối phụ trợ được xây dựng kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định mức 2 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố đạt 88,2% và cấp công trình xây dựng đạt cấp IV [3.2-01]; [3.2-05]; [3.2-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có tỷ lệ các công trình kiên cố đạt 88,2% và cấp công trình xây dựng đạt cấp IV. Có hệ thống nước sạch và hệ thống cấp điện đảm bảo cung cấp đầy đủ nước sạch và điện phục vụ cho hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Hệ thống phòng cháy chữa cháy của nhà trường được bổ xung và được các cấp kiểm tra đánh giá hằng năm đảm bảo theo quy định, hạ tầng công nghệ thông tin với đầy đủ trang thiết bị hiện đại: Mạng internet, máy tính, máy chiếu, phòng họp trực tuyến...phục vụ hoạt động quản lý cũng như hoạt động dạy học. Khu thu gom và xử lý rác thải được quy hoạch bố trí hợp lý, đảm bảo vệ sinh môi trường.

3. Điểm yếu: Nhà trường còn 01 khu thể chất là bán kiên cố

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải phát huy điểm mạnh khắc phục điểm yếu	Nhân lực thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
---	---------------------------	----------------------------	----------------------------	-------------------------

Nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch, đề ra những giải pháp cụ thể để nâng cấp tu sửa các hạng mục công trình, sử dụng có hiệu quả trang thiết bị của các khối phòng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.	Kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn, văn bản tham mưu bổ sung kinh phí.	Trong năm 2025-2026 và những năm học tiếp theo	200 triệu đồng
Nhà trường định kỳ rà soát, xây dựng kế hoạch tu sửa nâng cấp, bổ sung các thiết bị dạy học học liệu vào các phòng ban. Tiếp tục tham mưu với UBND xã XD kiên cố phòng thể chất, nhà kho, văn phòng của nhà trường.	CBQL	Kế hoạch phát triển nhà trường, Kế hoạch XHH GD; tờ trình.	Năm 2025	500 triệu đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 3

Nhà trường đặt tại khu vực đông dân cư, giao thông thuận lợi. Trường có quy mô 14 nhóm, học sinh được phân chia theo độ tuổi theo đúng quy định Điều lệ trường mầm non. Nhà trường có đủ diện tích đất sử dụng và diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho trẻ vượt quy định. Có tường xây bao quanh trung tâm và điểm trường đảm bảo an toàn cho trẻ. Nhà trường có hệ thống bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát, có vườn cây xanh sạch đẹp dành riêng cho trẻ chăm sóc, khám phá, học tập. Các khu vui chơi, khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục thể chất với đủ đồ dùng đồ chơi và trang thiết bị theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời, có nhiều đồ chơi tự tạo cho trẻ hoạt động tích cực hiệu quả.

Nhà trường có đủ các khối phòng phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phụ trợ đảm bảo theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT và Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT.

Các phòng sinh hoạt chung đảm bảo đảm bảo theo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được bổ sung các phân khu chức năng, có khu ngủ riêng cho trẻ nhà trẻ, có đủ trang thiết bị, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Hệ thống chiếu sáng của nhà trường đảm bảo theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng; hệ thống quạt và thông gió đảm bảo ấm về mùa đông, mát về mùa hè. Có hệ thống tủ, kệ, giá để đồ dùng đồ chơi đảm bảo và được sắp xếp hợp lý,

thuận tiện, an toàn khi sử dụng. Nhà trường có 01 khu giáo dục thể chất, 01 phòng giáo dục nghệ thuật, 01 phòng tin học đảm bảo diện tích với đầy đủ các thiết bị, đồ dùng theo quy định.

Nhà trường có tỷ lệ các công trình kiên cố đạt 88,2%, các cấp công trình xây dựng đạt cấp IV. Có hệ thống nước sạch và hệ thống cấp điện đảm bảo cung cấp đầy đủ nước sạch và điện phục vụ cho hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Hệ thống phòng cháy chữa cháy của nhà trường đảm bảo theo các quy định hiện hành và luật phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ. Hạ tầng công nghệ thông tin với đầy đủ trang thiết bị hiện đại: Mạng internet, máy tính, máy chiếu, phòng họp trực tuyến....phục vụ hoạt động quản lý cũng như hoạt động dạy học. Khu thu gom và xử lý rác thải được quy hoạch bố trí hợp lý, đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 1:3/3

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 2:3/3

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 3:3/3

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

“Giáo dục trẻ em là việc chung của gia đình, trường học và xã hội, phải cùng nhau phụ trách”, làm theo lời Bác dạy, công tác XHH luôn được nhà trường chú trọng đổi mới và nhận được sự ủng hộ tích cực của các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội, phụ huynh và của CBQL, GV, NV trong nhà trường. Qua đó xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ giữa Nhà trường - Gia đình - Xã hội, từng bước tranh thủ được sự quan tâm chăm lo cho sự nghiệp giáo dục của cộng đồng và toàn xã hội.

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ trẻ em của trường, các lớp có Ban đại diện cha mẹ trẻ em của lớp được hoạt động theo đúng quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ em. Nhà trường có nhiều biện pháp và hình thức phong phú để tuyên truyền, hướng dẫn cha mẹ trẻ CSGD trẻ khi ở nhà; chỉ đạo giáo viên thường xuyên trao đổi, phối kết hợp với cha mẹ trẻ nâng cao chất lượng nuôi dưỡng CSGD trẻ.

Nhà trường chủ động trong công tác tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương, phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân ở địa phương nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng cơ sở vật chất, cảnh quan trường lớp xanh-sạch-đẹp, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn tuyệt đối cho trẻ góp phần nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Trong năm học nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường; Ban đại diện cha mẹ học sinh các nhóm/lớp. Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường gồm có 5 thành viên (1 trưởng ban, 1 phó ban, 3 ủy viên thường trực); các nhóm/lớp đều có Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhóm/lớp (Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp gồm 3 thành viên: 01 trưởng ban, 01 phó trưởng ban và 01 ủy viên). Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo quy định tại Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-01];

Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, nhóm/lớp có kế hoạch hoạt động cụ thể trong năm học [H4-4.1-01];

Trong năm học Ban đại diện cha mẹ học sinh đã triển khai tổ chức thực hiện các hoạt động theo kế hoạch. Các nội dung đã được thảo luận, thống nhất trong các cuộc họp của Ban đại diện cha mẹ trẻ của nhà trường, của các nhóm/lớp thực hiện có hiệu quả cao [H4-4.1-01].

Mức 2

Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường và của các nhóm/lớp phối hợp tích cực, có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục học sinh. Phối hợp với nhà trường hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục tới các bậc phụ huynh như: Nội quy, quy chế của trường, lớp, chế độ hỗ trợ ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù miễn giảm học phí, trẻ hộ nghèo, cận nghèo, chính sách trẻ khuyết tật... [H4-4.1-01]; [1.10-10].

Mức 3

Trong năm học qua Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh: huy động học sinh trong độ tuổi ra lớp, huy động các nguồn lực hỗ trợ nhà trường về tài chính, ngày công lao động, nguyên vật liệu để tu

sửa cơ sở vật chất, tôn tạo cảnh quan môi trường, phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tuyên truyền, nuôi dưỡng CSGD trẻ góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ của nhà trường [H1-1.6-07] ; [H4-4.1-01].

2. Điểm mạnh:

Ban đại diện cha mẹ học sinh của các nhóm/lớp và của trường được thành lập dưới sự đồng thuận, nhất trí của 100% cha mẹ trẻ và hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Có kế hoạch hoạt động cụ thể theo năm học và tổ chức thực hiện theo đúng tiến độ kế hoạch đề ra. Phối kết hợp chặt chẽ, có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, hướng dẫn, chủ trương chính sách về giáo dục tới các bậc phụ huynh. Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc nuôi dưỡng CSGD trẻ, tôn tạo, tu sửa cảnh quan môi trường, CSVC trong công tác xã hội hóa giáo dục góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng CSGD trẻ.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục duy trì Ban đại diện cha mẹ trẻ. Chọn những thành viên có tinh thần trách nhiệm và khả năng tuyên truyền với cộng đồng về công tác nuôi dưỡng CSGD trẻ tại trường.	CBQL, giáo viên, Cha mẹ trẻ các lớp	Biên bản họp phụ huynh đầu năm của trường, lớp	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	Không
Tuyên truyền phụ huynh tham gia vào các hoạt động của nhà trường, hỗ trợ kinh phí hoạt động và làm tốt những mục tiêu mà Ban đại diện cha mẹ học sinh đề ra.	CBQL, giáo viên	Kế hoạch tuyên truyền phối hợp với cha mẹ học sinh	Trong năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã chủ động và làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch giáo dục, giải pháp cụ thể trong kế hoạch phát triển nhà trường như: xây dựng mạng lưới quy mô trường, lớp, CSVN, huy động trẻ trong độ tuổi đến trường, công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, các khoản xã hội hóa năm học; kế hoạch duy trì và nâng cao các tiêu chí đạt chuẩn phổ cập giáo dục- xóa mù chữ; kế hoạch thực hiện Đề án tăng cường tiếng Việt; kế hoạch thực hiện Chương trình Tôi yêu Việt Nam; xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021- 2025...[H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]; [H4-4.2-01];

Trong năm học, nhà trường tích cực tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành giáo dục, về các mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường trong năm học dưới nhiều hình thức như: tuyên truyền qua các buổi họp giữa nhà trường với cha mẹ học sinh, tuyên truyền qua loa phóng thanh của thôn/bản, trao đổi với phụ huynh thông qua giờ đón trả trẻ hàng ngày, qua nhóm zalo chung của lớp, qua Website của nhà trường [1.10-10]; [1.1-04]

Nhà trường huy động và sử dụng các nguồn nhân lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân, phụ huynh trong việc cải tạo môi trường giáo dục trong, ngoài lớp học và các hoạt động của trẻ. Trong năm nhà trường huy động được hơn 700 số ngày công lao động huy động được; Huy động được kinh phí từ các nguồn lực tổng giá trị là: 71.000.000 VNĐ/năm (Bảy một triệu đồng) từ vận động tài trợ từ phụ huynh, Nhà trường đã huy động và sử dụng đúng các chế độ chính sách cho trẻ theo quy định [H1-1.6-07]; [H4- 4.2- 02].

Mức 2:

Trong những năm qua, nhà trường đã tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện từng bước thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ cấp trên giao [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]

Nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân ở địa phương như: Đoàn thanh niên xã, của trường, công đoàn trường để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống địa phương như: "Ngày hội bé đến trường"; "Vui tết trung thu"; Giao lưu văn nghệ ngày 20/10, 20/11, 8/3; "Trải nghiệm tết trung thu; Hội thi “Bé khỏe bé ngoan, bé tài năng”; Hội thi “Ươm mầm tài năng nhí” cấp cụm ...tổ chức cho trẻ tham quan các di tích lịch sử địa phương, danh lam thắng cảnh của Điện Biên [H1-1.2-05]; [1.10-10];

Mức 3:

Nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường đã tích cực tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Trường thường xuyên được đón các đơn vị trường học của các huyện đến tham quan và giao lưu. Trong các năm qua nhà trường được UBND huyện công nhận đạt danh hiệu đơn vị đạt chuẩn văn hóa giai đoạn 5 năm [1.10-10]; [H4-4.2-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện có hiệu quả công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục, thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển theo năm học, giai đoạn nhằm nâng cao các điều kiện về cơ sở vật chất trường lớp đáp ứng với yêu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ. Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, huy động các nguồn lực để xây dựng cảnh quan trường lớp sạch đẹp, an toàn cho trẻ hoạt động. Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, trải nghiệm giáo dục phù hợp với truyền thống của địa phương. Nhiều năm liền nhà trường đạt danh hiệu đơn vị đạt chuẩn văn hóa.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tham mưu với cấp ủy Đảng chính quyền và các tổ chức đoàn thể của địa phương, tìm kiếm các nguồn hỗ trợ hợp pháp, ban hành các văn bản, thư kêu gọi cá nhân, tổ chức hảo tâm hỗ trợ kinh phí, vật chất cho trẻ.	CBQL	Các kế hoạch, tờ trình tham mưu với địa phương, các đoàn thể...	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	Không
Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương chính sách	CBQL	Tổ chức hội nghị, các bài tuyên	Năm học 2025-2026 và các năm	Không

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
của Đảng, nhà nước, ngành giáo dục về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục		truyền...	học tiếp theo.	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Trong năm nhà trường thành lập Ban đại diện cha mẹ học sinh theo đúng cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động đúng quy định Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với nhà trường làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng CSGD trẻ. Phối kết hợp với nhà trường trong việc tuyên truyền phổ biến Pháp luật, chủ trương Chính sách về giáo dục với nhiều hình thức khác nhau để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng CSGD trẻ. Nhà trường tham mưu phối kết hợp chặt chẽ tới các cấp ủy Đảng chính quyền địa phương quan tâm, chăm lo đến sự nghiệp phát triển GDMN trên địa bàn xã. Thực hiện có hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục, huy động được các cá nhân, tổ chức, đoàn thể trong và ngoài địa bàn tham gia đóng góp các nguồn lực để tu sửa CSVN, xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn, lành mạnh nhằm đảm bảo các tiêu chí trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ II và trường đạt chất lượng giáo dục mức độ 3. Phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương, tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương một cách hiệu quả.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 2/2 tiêu chí

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0 tiêu chí

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu:

Chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục là nhiệm vụ trọng tâm và giữ vai trò vô cùng quan trọng và có ý nghĩa đặc biệt đối với mỗi gia đình và trường mầm non. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ vừa là mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng luôn được nhà trường đặt lên hàng đầu. Để chất lượng giáo dục toàn diện của trẻ ngày một nâng cao, nhà trường luôn tích cực đổi mới công tác quản lý, công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Xây dựng và phát triển chương trình giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, phát triển chương trình đảm bảo phù hợp với khả năng của trẻ, văn hóa địa phương, với thực tế của trường; định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp. Quan tâm xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tạo cơ hội cho trẻ được học tập, vui chơi, trải nghiệm. Tổ chức các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ, đa dạng về hình thức, linh hoạt vận dụng phương pháp dạy học, phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục,

với trẻ và điều kiện nhà trường, địa phương nhằm phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo giúp trẻ phát triển toàn diện.

Nhà trường làm tốt công tác phối kết hợp với cơ sở y tế của địa phương thực hiện nghiêm túc việc cân đo khám sức khỏe định kỳ theo đúng quy định, phát hiện những trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi để có hướng phục hồi phòng chống kịp thời suy dinh dưỡng, thấp còi cho trẻ. Chỉ đạo giáo viên thực hiện tốt công tác duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ trẻ chuyên cần, đặc biệt là trẻ mẫu giáo 5 tuổi. Hằng năm số trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non là 100%.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*
- c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

Mức 2:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

Mức 3:

- a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;*
- b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Căn cứ Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT, ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi Chương trình giáo dục mầm non, cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán đã xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường phù hợp khả năng của trẻ, điều kiện thực tiễn của nhà trường và bối cảnh của địa phương. Sau khi hội đồng thẩm định nhất trí chương trình giáo dục được nhà trường công khai trên gmail của trường [H1-1.1-02]; [H1-1.6-02];

Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường. Trên cơ sở đó các giáo viên xây dựng kế hoạch phát triển Chương trình giáo dục của các lớp theo năm học, tháng/chủ đề/ tuần phù hợp với thực tế nhóm, lớp, của nhà trường, khả năng nhận thức của học sinh và triển khai thực hiện có hiệu quả đảm bảo mục tiêu giáo dục cuối độ tuổi [H1-1.1-02];

Nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non thông qua hội đồng thẩm định chương trình. Từ đó có những điều chỉnh, bổ sung kịp thời phù hợp với trẻ [H1-1.4-05]; [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02].

Mức 2

Nhà trường tổ chức thực hiện đã xây dựng và phát triển chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình địa phương và khả năng nhận thức của trẻ. 100% các nhóm, lớp tổ chức thực hiện chương trình giáo dục năm học, kế hoạch chủ đề và kế hoạch tuần, ngày đảm bảo chất lượng, hiệu quả [H1-1.5-02]; [H1-1.6-02];

Nhà trường thực hiện phát triển chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành đúng theo quy định. Căn cứ vào điều kiện về cơ sở vật chất của nhà trường, điều kiện phong tục tập quán văn hóa xã hội của địa phương, căn cứ theo nhu cầu, nguyện vọng của cha mẹ trẻ, khả năng và nhu cầu của trẻ, nhà trường đã xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phù hợp với khả năng của trẻ. Triển khai thí điểm tổ chức cho trẻ lớp mẫu giáo làm quen sử dụng phần mềm kidsmart, đưa công nghệ số vào chương trình giáo dục cho trẻ làm quen, lồng ghép "Tăng cường tiếng Việt" trong các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ và nhiều chuyên đề khác [H1-1.5-02]; [H1-1.6-02];

Mức 3

Nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành [H1-1.2-07], đồng thời tham khảo phương pháp giáo dục tiên tiến như STEM/STEAM ứng dụng vào việc xây dựng môi trường và tổ chức các hoạt động cho trẻ nhằm kích thích trẻ tham gia tư duy, sáng tạo... tuy nhiên việc áp dụng hiệu quả chưa cao; đưa công nghệ số vào Chương trình giáo dục qua việc tổ chức các hoạt động như cho trẻ làm quen với toán, làm quen chữ cái, các video thiết kế bài giảng qua việc sử dụng công nghệ AI, hoạt động phòng tin học hiệu quả phù hợp với thực tiễn của trường địa phương [H1-1.1-02]; [H1-1.5-02]; [H1-1.6-02];

Hàng năm nhà trường tiến hành kiểm tra, tổng kết đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục nhà trường để từ đó có sự điều chỉnh cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em [H1-1.4-05]; [H1-1.6-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng, phát triển và tổ chức thực hiện Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành phù hợp theo quy định về chuyên môn của các cơ quan quản lý giáo dục cấp trên, phù hợp khả năng của trẻ, điều kiện thực tế của nhà trường và xu thế phát triển giáo dục của thế giới; định kỳ rà soát, đánh giá và điều chỉnh, bổ sung kịp thời phù hợp với bối cảnh văn hóa địa phương, đáp ứng nhu cầu và khả năng, hứng thú của trẻ. Hàng năm nhà trường tổng kết đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN, đánh giá chất lượng chuyên môn của giáo viên, chất lượng trẻ từ đó kịp thời điều chỉnh, cải tiến các nội dung phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ.

3. Điểm yếu:

Việc vận dụng tham khảo Chương trình giáo dục của các nước trong khu vực

và thể giới áp dụng hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Chỉ đạo xây dựng kế hoạch thực hiện và phát triển chương trình GDMN. Đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN, tư vấn, kiểm tra, rà soát hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch lựa chọn các nội dung giáo dục phù hợp với đối tượng trẻ và điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp.	Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên cốt cán.	Chương trình giáo dục mầm non; Bồi dưỡng chuyên môn cán bộ quản lý, giáo viên	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo.	Không
Tiếp tục tham khảo và áp dụng Chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định vào tổ chức các hoạt động giáo dục có hiệu quả, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.	Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên cốt cán.	Bồi dưỡng chuyên môn cán bộ quản lý, giáo viên theo chương trình giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của nhà trường	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường chỉ đạo giáo viên tích cực đổi mới giáo dục, vận dụng linh hoạt các phương pháp tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ đảm bảo các mục

tiêu, nội dung giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả cao, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với độ tuổi, nhu cầu phát triển của trẻ mầm non và điều kiện thực tế của nhà trường [H1-1.1-02]; [H1-1.6-02]; [H1-1.5-02]; [H5-5.1-01];

Nhà trường tích cực chỉ đạo xây dựng môi trường giáo dục theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tích cực tôn tạo cảnh quan môi trường bố trí các khu vực chơi cho trẻ và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, vui chơi học tập như: Vườn cổ tích, vườn cây của bé, khu trải nghiệm, khu chợ quê, khu phát triển vận động... [H1-1.1-02]; [1.10-10];

Giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của nhóm, lớp như: Các hoạt động giáo dục trong lớp, ngoài lớp, hoạt động cá nhân, nhóm, giao lưu hoạt động tập thể giữa các lớp, hoạt động học, hoạt động chơi, tham quan di tích lịch sử, hoạt động lao động. Tuy nhiên việc tổ chức cho trẻ tham quan di tích lịch sử...[H1-1.1-02]; [1.10-10].

Mức 2:

Nhà trường có kế hoạch tổ chức cho trẻ được thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh ở mọi lúc mọi nơi, phù hợp với nhu cầu, khả năng, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường trẻ được trải nghiệm ở thư viện của bé, khu sáng tạo khoa học, nghệ thuật theo STEM/STEAM, khu vui chơi, khu vườn cổ tích, vườn cây của bé, vườn rau, vườn hoa, chơi trò chơi. Tổ chức cho trẻ mẫu giáo đi tham quan các di tích lịch sử, trải nghiệm lễ hội, và rất nhiều các hoạt động trải nghiệm rèn kỹ năng sống cho trẻ [H1-1.1-02]; [H1-1.6-02]; [1.10-10]; [H5-5.2-01].

Mức 3:

Hàng năm nhà trường chỉ đạo giáo viên xây dựng, khai thác hiệu quả môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích trẻ hứng thú như: Thư viện của bé, khu sáng tạo nghệ thuật, công nghệ theo STEM/STEAM, khu vui chơi, khu cổ tích, chăm sóc vườn rau, vườn hoa, chơi trò chơi; tổ chức các ngày lễ ngày hội với nhiều hoạt động phong phú, cho trẻ mẫu giáo đi tham quan các di tích lịch sử, các hoạt động trải nghiệm. Tạo cơ hội cho trẻ tham gia vào hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”[1.10-10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã vận dụng linh hoạt các phương pháp tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ theo độ tuổi của các nhóm/lớp và điều kiện thực tế của địa phương. Tích cực tôn tạo cảnh quan môi trường trong và ngoài lớp học theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tạo sự đa dạng phong phú ở các khu vực chơi cho trẻ, tận dụng, sử dụng các nguyên vật liệu mở phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động học tập, vui chơi, trải nghiệm theo phương châm "Chơi mà học, học bằng chơi". Giáo viên thường xuyên tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ dưới nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của lớp, chú trọng tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá phù hợp với độ tuổi, nhu cầu, khả năng, hứng thú của trẻ từng độ tuổi.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Chỉ đạo giáo viên phát triển chương trình giáo dục nhà trường hiệu quả phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ trong lớp, điều kiện nhà trường, địa phương.	CBQL, tổ trưởng, giáo viên cốt cán.	Điều kiện thực tế của nhà trường, kế hoạch giáo dục của nhà trường, của trẻ.	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo.	Không
Chỉ đạo giáo viên vận dụng sáng tạo các tiêu chí xây dựng Trường Mầm non lấy trẻ làm trung tâm trong xây dựng, khai thác hiệu quả môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học, tạo điều kiện cho trẻ có cơ hội học tập vui chơi và trải nghiệm.	CBQL, tổ trưởng, giáo viên cốt cán.	Kế hoạch giáo dục nhà trường, nhóm, lớp.	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc, sức khỏeMức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng các biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định.

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong năm học nhà trường đã phối kết hợp với trạm y tế xã Thanh Hưng tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần/năm học, cho trẻ uống vitamin, thuốc tẩy giun, tiêm chủng vắc xin phòng bệnh cấp phát tờ rơi tuyên truyền về phòng chống

dịch bệnh theo mùa, đo thân nhiệt, kiểm tra sức khỏe tiêm phòng chống chăm sóc sức khỏe răng miệng; phòng, chống tật cong, vẹo cột sống; phòng chống giun sán; bảo đảm an toàn thực phẩm; phòng, chống bạo lực học đường cho trẻ trong nhà trường [1.10-10]; [H5-5.3-01];

Hàng năm nhà trường có 100% trẻ đến nhóm, lớp được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, được đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Kết quả năm học 2025-2026 tính đến thời điểm đánh giá trẻ có cân nặng bình thường 289/314 đạt 92% số trẻ có chiều cao bình thường 298/314 đạt 94,9%; Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi 16/314 chiếm 5,1%; Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân là 25/314 chiếm 8%, trẻ thừa cân 5/314 trẻ chiếm 1,6% [H5-5.3-01].

Ngay từ đầu năm học nhà trường đã xây dựng kế hoạch y tế học đường, trong đó chú trọng đến kế hoạch phục hồi dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng, béo phì và có biện pháp chăm sóc cho trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi, béo phì ở các lớp. 100% trẻ suy dinh dưỡng, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp và được cải thiện. Chế độ ăn hàng ngày của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối 4 nhóm thực phẩm, tỷ lệ calo đạt từ 615- 726 Kcal, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định. Giáo viên quan tâm chăm sóc trẻ, động viên trẻ ăn hết xuất, chú ý tới trẻ mới ốm dậy, trẻ thấp còi, suy dinh dưỡng [H5-5.3-02].

Mức 2:

Nhà trường chú trọng tới công tác tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ về cách chăm sóc trẻ khoa học tại gia đình, các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ; tuyên truyền thực hiện các chỉ thị, công văn hướng dẫn các biện pháp phòng chống dịch bệnh đầu mắt đỏ, cúm, sởi các kênh thông tin điện tử chung như zalo, trao đổi trực tiếp về tình hình của trẻ hằng ngày qua giờ đón trả trẻ [1.1-03]; [1.10-10];

Nhà trường xây dựng thực đơn theo ngày, tuần và thay đổi phù hợp với từng mùa trong năm đảm bảo chế độ dinh dưỡng của trẻ em tại trường phù hợp với độ tuổi đảm bảo cân đối đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định như: Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn theo độ tuổi, thực đơn hàng ngày theo tuần, mùa; số bữa ăn theo quy định; nước uống, tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng, chế biến hấp dẫn để trẻ ăn ngon miệng, hết khẩu phần [1.10-10]; [H5-5.3-02]; [H1-1.6-02];

Hàng năm 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, được can thiệp phù hợp như: Chế độ ăn hàng ngày của trẻ được đảm bảo cân đối theo 4 nhóm thực phẩm, đảm bảo tỷ lệ calo, giáo viên quan tâm chăm sóc trẻ, động viên trẻ ăn hết xuất, chú ý tới trẻ mới ốm dậy, do đó hàng năm tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ được cải thiện cụ thể: Tính đến thời điểm tháng 10/2025 số trẻ được cải thiện phục hồi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

Mức 3

Hàng năm kết quả theo dõi sự phát triển của trẻ, trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường đạt 98,61% trở lên. Năm học 2025-2026 tính đến thời điểm đánh giá: cân nặng bình thường 289/314 đạt 92% số trẻ có chiều cao bình thường 298/314 đạt 94,9%; Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi 16/314 chiếm

5,1%; Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân là 25/314 chiếm 8%, trẻ thừa cân 5/314 trẻ chiếm 1,6% [H5-5.3-01]; [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Trong năm học nhà trường đã phối kết hợp với trạm y tế xã Thanh Nưa tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần/năm học, phối hợp thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe cho trẻ. Nhà trường chú trọng tới công tác tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ về cách chăm sóc trẻ khoa học tại gia đình, cách phòng chống dịch bệnh, 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định, hàng năm tỷ lệ trẻ có sự phát triển ở kênh bình thường đạt từ 95% trở lên. Nhà trường căn cứ kết quả đánh giá chất lượng cân đo, đã triển khai xây dựng và thực hiện kế hoạch phục hồi suy dinh dưỡng cho 100% trẻ suy dinh dưỡng.

3. Điểm yếu

Nhà trường vẫn còn số trẻ bị suy dinh dưỡng thể thấp còi, số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và trẻ thừa cân.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục làm tốt công tác phối hợp với các cơ sở y tế trong việc khám sức khỏe định kỳ và phòng chống dịch bệnh cho trẻ.	CBQL, giáo viên, y tế xã	Quy chế phối hợp giữa nhà trường và trạm y tế xã Thanh Nưa	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	Không
Thực hiện tốt công tác vệ sinh an toàn thực phẩm.	CBQL, giáo viên, nhân viên y tế, bộ phận nhà bếp.	Các công văn hướng dẫn thực hiện VSATTP	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	Không
Phối kết hợp có hiệu quả với cha mẹ trẻ tổ chức tốt ăn bán trú cho trẻ, cải thiện bữa ăn cho trẻ bị suy dinh dưỡng, giảm tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng.	CBQL, giáo viên, nhân viên y tế, cha mẹ trẻ.	Kế hoạch y tế.	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	Không
Tiếp tục tuyên truyền phòng chống dịch bệnh	CBQL, giáo viên, y tế xã	Quy chế phối hợp giữa nhà trường và trạm y tế xã Thanh Nưa	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80% ;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến độ đạt ít nhất 80%

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến độ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền, duy trì tỷ lệ chuyên cần của trẻ. Tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ chuyên cần của trẻ đạt trên 98%, riêng trẻ 5 tuổi đạt 100% [H5-5.4-01].

100% trẻ 5 tuổi trong nhà trường hằng năm đều hoàn thành chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có tổng số 87 trẻ 5 tuổi đang học chương trình giáo dục mầm non tại trường [H5-5.4-02].

Năm học 2025-2026 nhà trường có 02 trẻ khuyết tật trong độ tuổi học hòa nhập. Hằng năm nhà trường chỉ đạo các nhóm lớp quan tâm đến những trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ khuyết tật, xây dựng kế hoạch giáo dục có lồng ghép các nội dung chăm sóc, giáo dục phù hợp với thực tế của nhóm lớp, nhận thức và điều kiện hoàn cảnh gia đình trẻ [H1-1.3-03].

Mức 2

Hằng năm nhà trường luôn làm tốt công tác tuyên truyền, vận động trẻ đi học, tỷ lệ trẻ chuyên cần đạt từ 98% trở lên, trong đó tỷ lệ chuyên cần đối với Nhà trẻ đạt 95% trở lên, Mẫu giáo đạt 98% trở lên riêng trẻ 5 tuổi đạt 98,5% trở lên. Một số lớp tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần chưa cao do trẻ ốm sốt vào những ngày thời tiết thay đổi chuyển mùa [H1-1.2-05]; [H5-5.1-02].

Qua các năm trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN đạt 100%. Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có 87 trẻ 5 tuổi đang học chương trình GDMN tại trường [H1-1.2-05]; [H5-5.4-01];

Năm học 2025-2026 nhà trường có 02 trẻ khuyết tật học hoà nhập.

Mức 3:

Hàng năm 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non [H5-5.4-02].

Năm học 2025-2026 nhà trường có 02 trẻ khuyết tật học hoà nhập

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã chỉ đạo giáo viên làm tốt công tác tuyên truyền tới các bậc phụ huynh và cộng đồng huy động trẻ ra lớp. Tỷ lệ chuyên cần hàng năm đối với trẻ 5 tuổi đạt 98,5% trở lên, trẻ dưới 5 tuổi đạt từ 98% trở lên trẻ nhà trẻ đạt từ 95% trở lên. Nhà trường có 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình Giáo dục mầm non. Năm 2025-2026 nhà trường có 02 trẻ khuyết tật học hoà nhập

3. Điểm yếu: Không**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục huy động trẻ ra lớp đảm bảo chỉ tiêu giao, nâng cao tỷ lệ trẻ chuyên cần (Đặc biệt đối với trẻ dưới 5 tuổi), duy trì tỉ lệ trẻ hoàn thành chương trình GDMN.	Cán bộ quản lý, giáo viên	Quyết định giao biên chế số lớp.	Trong năm học 2025-2026 và những năm học tiếp theo	Không
Làm tốt công tác tuyên truyền duy trì tỷ lệ chuyên cần của trẻ ở các thời điểm trước và sau tết nguyên đán, khi nhiệt độ hạ xuống thấp, thời điểm xảy ra dịch bệnh.	Cán bộ quản lý, giáo viên, y tế.	Sổ theo dõi trẻ	Trong năm học 2025-2026 và những năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.**Kết luận về Tiêu chuẩn 5**

Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình GDMN phát triển phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương. Hàng năm tổng kết đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN, kịp thời điều chỉnh, cải tiến các nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Nhà trường chỉ đạo giáo viên các nhóm lớp xây dựng tổ chức các hoạt động giáo dục theo chương trình GDMN bằng nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, đối tượng trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường. Xây dựng và khai thác hiệu quả môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm tạo điều kiện cho tất cả các trẻ được vui chơi, thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh ở mọi lúc mọi nơi phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường theo phương châm "Chơi mà học, học bằng chơi". Tổ chức tốt các hoạt động lễ hội, hát dân ca, ca dao, đồng dao mang tính địa phương. Có nhiều biện pháp để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng CSGD trẻ, do đó kết quả nuôi dưỡng CSGD trẻ của nhà trường từng bước được nâng lên. Tỷ lệ trẻ phát triển ở kênh bình thường, về cân nặng, chiều cao hàng năm trên 95%. Đa số trẻ đi học chuyên

cần, tỷ lệ trẻ 5 tuổi đi học chuyên cần mức cao. Hằng năm có 100% trẻ 5 tuổi đi học được công nhận hoàn thành chương trình Giáo dục mầm non.

Năm 2025-2026 nhà trường có 02 trẻ khuyết tật học hoà nhập

+ *Số tiêu chí đạt yêu cầu: 4/4 tiêu chí*

+ *Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0 tiêu chí*

Phần III

KẾT LUẬN CHUNG

Trong các năm học qua, trường mầm non Thanh Hưng luôn duy trì, củng cố và nâng cao các tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2. Nhiều năm liền tập thể nhà trường đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc và được Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên tặng bằng khen. Nhà trường không ngừng phát triển ổn định, bền vững, uy tín của nhà trường với ngành học, với các cấp lãnh đạo địa phương và các bậc phụ huynh ngày càng được nâng lên.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, dạy và học của nhà trường hằng năm đều được được đầu tư, bổ sung thường xuyên đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ ngày càng cao, nhà trường có khuôn viên khang trang rộng rãi môi trường xanh – sạch - đẹp – an toàn và thân thiện.

Đội ngũ cán bộ giáo viên của trường có phẩm chất đạo đức và có năng lực chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình, có trách nhiệm trong công việc được giao, nhiều giáo viên có phương pháp giảng dạy tốt. Có 94,1% cán bộ, giáo viên nhà trường có trình độ trên chuẩn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của đổi mới giáo dục. Thực hiện nghiêm túc nội dung chương trình giáo dục mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phương pháp dạy học đã dần được đổi mới phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của trẻ.

Chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường trong nhiều năm qua đều đạt kết quả cao trên 98%, trong đó có 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN.

Nhà trường luôn tích cực đổi mới công tác xã hội hoá giáo dục phù hợp với địa phương và điều kiện thực tiễn của nhà trường. Tích cực tham mưu với cấp trên hỗ trợ kinh phí tu sửa, nâng cấp cơ sở vật chất trường, lớp ngày một khang trang đáp ứng nhu cầu dạy và học, phối kết hợp với các ban ngành, đoàn thể địa phương các bậc phụ huynh thực hiện tốt việc huy động trẻ ra lớp đảm bảo đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi, những năm học qua nhà trường luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học và nhận được giấy khen của UBND tỉnh, LĐLĐ tỉnh, UBND huyện và LĐLĐ huyện Điện Biên.

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Điện Biên, của Đảng uỷ, UBND xã Thanh Nưa cùng với sự nỗ lực cố gắng phấn đấu không ngừng của tập thể cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh của nhà trường. Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình 5 tiêu

chuẩn, 22 tiêu chí. Các tiêu chuẩn được đánh giá chính xác, khách quan phản ánh đúng chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường. Đối chiếu với các thành quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong 5 năm qua với Bộ tiêu chuẩn tự đánh giá trường mầm non được Bộ Giáo dục Đào tạo ban hành, nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

Mức 1

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 22/22 tiêu chí đạt 100%
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Mức 2

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 21/21 tiêu chí đạt 100%
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Mức 3

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 15/15 tiêu chí đạt 100%
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

*** Trường Mầm non tự đánh giá**

Căn cứ Thông tư 13/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, Thông tư 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 của Bộ GD&ĐT ban hành sửa đổi, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT- BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư 23/2024/TT- BGDĐT, ngày 16/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ kết quả tự đánh giá của nhà trường, Trường Mầm non Thanh Hưng xã Thanh Nưa đạt mức 3.

Trường Mầm non Thanh Hưng đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét công nhận kết quả tự đánh giá của nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3, đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.

Phần IV. PHỤ LỤC

(Có danh mục mã hóa minh chứng kèm theo)

Thanh Nưa, ngày 30 tháng 10 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Nga

